**QUY ĐỊNH VỀ CHUẨN ĐẦU RA ĐỐI VỚI SINH VIÊN TỐT NGHIỆP**

**CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**HỆ CHÍNH QUY Ở HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

(***Ban hành kèm theo Quyết định số 239/QĐ-HVTC ngày 27 tháng 3 năm 2020***

***của Giám đốc Học viện Tài chính***)

**PHẦN A: MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA QUY ĐỊNH VỀ CHUẨN ĐẦU RA ĐỐI VỚI SINH VIÊN TỐT NGHIỆP CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY Ở HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

“Q*uy định về Chuẩn đầu ra đối với sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ở Học viện Tài chính*” *là hệ thống các tiêu chí quy định đối với sinh viên* (*về định tính và định lượng*) *mà Học viện Tài chính xây dựng nhằm đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học theo từng chuyên ngành đáp ứng nhu cầu xã hội.*

Hệ thống các tiêu chí của “Q*uy định về Chuẩn đầu ra đối với sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ở Học viện Tài chính*” là một trong những căn cứ quan trọng để Học viện Tài chính chuẩn hoá các khâu trong quá trình đào tạo như: xây dựng chương trình và kế hoạch đào tạo, xây dựng kế hoạch giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của sinh viên, xây dựng quy trình quản lý kết quả học tập của sinh viên, xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học và biện pháp thực hiện… Cũng từ hệ thống các tiêu chí đó, Đảng uỷ Học viện Tài chính chỉ đạo và phối hợp với chính quyền, các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên… xây dựng kế hoạch hoạt động sát với thực tế và phù hợp với các hoạt động của Học viện nhằm đạt được các tiêu chí đã đề ra. Đồng thời, Học viện Tài chính cũng thông qua kết quả của các hoạt động kiểm định chất lượng đào tạo như: Đánh giá ngoài, Tự đánh giá, Tư vấn việc làm sinh viên… để ngày càng hoàn thiện, xây dựng Học viện Tài chính trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học có uy tín trong nước và khu vực, thực hiện sứ mệnh “cung cấp sản phẩm đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao cho xã hội”.

“Q*uy định về Chuẩn đầu ra đối với sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ở Học viện Tài chính*” còn là cơ sở để các cơ quan, đơn vị tuyển dụng cán bộ, công chức làm công tác quản lý kinh tế theo yêu cầu của mình; là căn cứ để học sinh phổ thông trung học lựa chọn nguyện vọng (nghề nghiệp) khi thi tuyển sinh đại học; là căn cứ để các bậc phụ huynh có định hướng nghề nghiệp cho con em mình.

Sinh viên đạt “*Chuẩn đầu ra”* ở Học viện Tài chính có thể làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các cơ sở giáo dục - đào tạo, các cơ quan nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các tổ chức tài chính - tín dụng quốc tế...

Căn cứ vào các quy định về đào tạo và về quản lý sinh viên của Bộ GD&ĐT, căn cứ vào quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Tài chính, căn cứ vào mặt bằng chung ở trong nước, trong khu vực và trên thế giới về đào tạo nhân lực có trình độ đại học làm việc trong lĩnh vực kinh tế, lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế mà Học viện tài chính xây dựng hệ thống các tiêu chí của “Q*uy định về Chuẩn đầu ra đối với sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ở Học viện Tài chính*”.

Hệ thống các tiêu chí này có thể được thay đổi vào những thời điểm khác nhau cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

**PHẦN B: YÊU CẦU KIẾN THỨC CHUNG; Ý THỨC,THÁI ĐỘ, HÀNH VI ĐỐI VỚI SINH VIÊN TỐT NGHIỆP CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY Ở HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**I. KIẾN THỨC CHUNG**

- Sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành phải đáp ứng đủ các yêu cầu của quy định hiện hành. Cụ thể: Điều 27, Quyết định số 1591/QĐ-HVTC, ngày 30/12/2016 của Giám đốc Học viện Tài chính - Quy định Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Trình độ ngoại ngữ của sinh viên hệ chính quy đạt 450 TOEIC hoặc tương đương đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2016-2018; đạt trình độ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 21/01/2014 hoặc tương đương đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2019. Riêng đối với Ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành Tiếng anh Tài chính kế toán, trình độ ngoại ngữ đạt bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo thông tư 01/2014/TT-BDGĐT ngày 21/01/2014 hoặc tương đương (không áp dụng đối với sinh viên quốc tế).

- Trình độ tin học của sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành phải đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Khoản 1, điều 2 thông tư 03/2014/TT-BTTTT (gồm các mô đun cụ thể sau: (i) Hiểu biết về CNTT cơ bản; (ii) Sử dụng máy tính cơ bản; (iii) Xử lý văn bản cơ bản; (iv) Sử dụng bảng tính cơ bản; (v) Sử dụng trình chiếu cơ bản; (vi) Sử dụng Internet cơ bản) hoặc các chứng chỉ tương đương và áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2017. Riêng đối với ngành Hệ thống thông tin kinh tế - Chuyên ngành Tin học Tài chính kế toán, trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao theo Khoản 3, điều 2 thông tư 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019.

- Có kiến thức toàn diện về ngành; nắm vững những kiến thức chuyên ngành được đào tạo; Chủ động cập nhật kiến thức mới về ngành và chuyên ngành.

**II. Ý THỨC, THÁI ĐỘ, HÀNH VI**

**2.1. Ý thức**:

Sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành của Học viện Tài chính có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; Chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước và nội quy của đơn vị; Đạt điểm rèn luyện theo quy định hiện hành (theo Quyết định 1174/QĐ-HVTC ngày 27/11/2015) tối thiểu là 70 điểm.

**2.2. Thái độ, hành vi:**

- Chủ động, tích cực và có năng lực cải tiến trong công việc được giao.

- Sẵn sàng chấp hành sự phân công, điều động trong công tác của đơn vị.

- Luôn quan tâm đến sự phát triển của đơn vị.

- Tự giác, tích cực học tập học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng nghề nghiệp.

- Tự tin, có bản lĩnh và tự khẳng định năng lực của bản thân thông qua công việc chuyên môn được giao.

**PHẦN C: CHUẨN ĐẦU RA ĐỐI VỚI SINH VIÊN TỐT NGHIỆP CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY Ở HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**I. CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG (Mã 01)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt*: Quản lý Tài chính công

*Tiếng Anh*: Public Finance Management

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, cụ thể:

- Hiểu biết đầy đủ bản chất các quy luật kinh tế - tài chính trong nền kinh tế.

- Nắm vững cơ chế chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng phù hợp trong thực tiễn.

- Có khả năng phân tích dữ liệu, đánh giá, dự báo, quản lý, quản trị các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

- Có khả năng tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng để phục vụ cho công tác chuyên môn; có kiến thức và trình độ sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, phần mềm chuyên dùng phục vụ cho công tác chuyên môn.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

- Có kiến thức cơ bản, toàn diện về quy trình, nội dung, phương pháp quản lý tài chính công: xây dựng và thẩm định, tổ chức thực hiện, theo dõi và đánh giá quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính công của các cấp chính quyền nhà nước, các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công, các tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức tài chính của Nhà nước.

- Có kiến thức cơ bản về phân tích các thông tin tài chính công và quản trị tài chính để tham mưu cho các cấp chính quyền nhà nước và lãnh đạo các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công, các tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức tài chính của Nhà nước huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính một cách hiệu quả.

- Có kiến thức cơ bản, nắm vững và tự cập nhật được các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về kinh tế, tài chính nói chung và quản lý tài chính công nói riêng như Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công… để phục vụ công tác chuyên môn.

- Có kiến thức cơ bản về kế toán công, thuế và quản lý thuế, phân tích chính sách tài chính, tài chính doanh nghiệp và các kiến thức kinh tế vĩ mô liên quan đến hoạt động quản lý tài chính công.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành*

- Xây dựng và thẩm định: kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm theo phương thức cuốn chiếu; kế hoạch đầu tư công 5 năm; dự toán thu, dự toán chi thường xuyên, dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước hàng năm; kế hoạch vay và trả nợ.

- Tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước: kiểm soát thu, chi ngân sách nhà nước; phân chia các khoản thu cho các cấp ngân sách; hoàn trả các khoản thu ngân sách; quản lý ngân quỹ nhà nước.

- Quyết toán, phân tích và đánh giá ngân sách nhà nước: lập, thẩm định báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước; phân tích và đánh giá tình hình quản lý tài chính của các cấp chính quyền.

- Phân tích và quản trị tài chính ở các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công, các tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp: quản trị tài sản và nguồn vốn; quản trị chi phí, doanh thu và kết quả hoạt động tài chính; phân tích báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán ngân sách.

- Phân tích và tham mưu về cơ chế chính sách quản lý tài chính công: xây dựng cơ chế chính sách, đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế chính sách và tổ chức thực hiện chính sách tài chính công.

- Giảng dạy, nghiên cứu, tư vấn các vấn đề về tài chính công.

**4. Yêu cầu về kỹ năng**

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

- Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, phối hợp giữa các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ hiệu quả.

- Có kỹ năng phát hiện, viết, trình bày, phân tích và phản biện các vấn đề chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý tài chính công.

- Có kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ về quản lý tài chính - ngân sách của các cấp chính quyền và các tổ chức tài chính của Nhà nước: kỹ năng lập và thẩm định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước; kỹ năng kiểm soát thu, chi ngân sách nhà nước; kỹ năng lập, thẩm định các báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước; kỹ năng phân tích và đánh giá hoạt động quản lý tài chính của các cấp chính quyền và các tổ chức tài chính của Nhà nước.

- Có kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ phân tích và quản trị tài chính cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, kiểm soát, phân tích và lựa chọn các quyết định về tài chính trong quản trị tài sản, nguồn vốn, chi phí, doanh thu và kết quả hoạt động tài chính; kỹ năng phân tích báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách; kỹ năng xây dựng quy chế quản lý tài chính nội bộ và quy chế quản lý tài sản công.

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ*

- Về Ngoại ngữ: Có khả năng khai thác và sử dụng các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.

- Về Tin học: Sử dụng thành thạo tin học cơ bản và các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

- Chuyên viên tài chính - ngân sách nhà nước tại các cơ quan quản lý tài chính - ngân sách của các cấp chính quyền nhà nước như: Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Kho bạc Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Kho bạc Nhà nước huyện; cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan; Dự trữ nhà nước; Bảo hiểm xã hội…

- Chuyên viên tài chính tại các cơ quan nhà nước như Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Uỷ ban nhân dân và Hội đồng nhân dân các cấp chính quyền địa phương; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan nhà nước trực thuộc các Bộ và cơ quan ngang Bộ, các cơ quan nhà nước khác ở trung ương; các Sở và các cơ quan nhà nước khác ở cấp tỉnh; các Phòng và các cơ quan nhà nước khác ở cấp huyện...

- Chuyên viên tài chính tại các đơn vị sự nghiệp như trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu, bảo tàng, thư viện, nhà xuất bản, truyền hình Việt Nam và truyền hình ở các địa phương…

- Chuyên viên tài chính tại các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Liên đoàn Lao động Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam…

- Giảng viên, nghiên cứu viên về quản lý tài chính công tại các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học trên phạm vi cả nước như các học viện, các viện nghiên cứu, các đại học, trường đại học...

- Chuyên gia tư vấn về quản lý tài chính công cho các cấp chính quyền nhà nước, các bộ, các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức quốc tế…

- Chuyên viên tài chính, kế toán viên, kiểm soát viên tại các doanh nghiệp, các ngân hàng và các tổ chức tín dụng, các công ty bảo hiểm thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài như trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

- Có khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức mới phục vụ công việc chuyên môn.

**7. Triển vọng nghề nghiệp**

- Có cơ hội phát triển chuyên môn trở thành các nhà lãnh đạo về kinh tế tài chính của các cấp chính quyền nhà nước, các cơ quan quản lý tài chính - ngân sách của các cấp chính quyền nhà nước, các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

- Có cơ hội phát triển chuyên môn trở thành chuyên viên và cán bộ lãnh đạo tài chính, kế toán, kiểm soát tại các ngân hàng và các tổ chức tín dụng, các công ty kiểm toán, các công ty bảo hiểm thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế.

- Có cơ hội phát triển chuyên môn trở thành các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, chuyên gia về kinh tế, tài chính.

**II. CHUYÊN NGÀNH: THUẾ (Mã 02)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt*: Thuế

*Tiếng Anh*: Taxation

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, cụ thể:

- Hiểu biết đầy đủ bản chất các quy luật kinh tế - tài chính trong nền kinh tế.

- Nắm vững cơ chế chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng phù hợp trong thực tiễn.

- Có khả năng phân tích dữ liệu, đánh giá, dự báo, quản lý, quản trị các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

- Có khả năng tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng để phục vụ cho công tác chuyên môn; có kiến thức và trình độ sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, phần mềm chuyên dùng phục vụ cho công tác chuyên môn.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

- Có kiến thức toàn diện, chuyên sâu các vấn đề lý luận và thực tiễn về thuế và quản lý thuế. Hiểu và vận dụng được các nội dung của chính sách thuế và các quy định của pháp luật về các sắc thuế thuộc các loại thuế: thuế thu nhập, thuế tiêu dùng, thuế tài sản và thu khác trong hệ thống thuế Việt Nam.

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về quản lý thuế như: tổ chức bộ máy quản lý thuế; quy trình và thủ tục hành chính thuế; thanh tra, kiểm tra thuế; quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế; quản lý kê khai, kế toán, thống kê thuế; tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế.

- Thực hiện được và hỗ trợ thực hiện được các quy định về đăng ký thuế, lập hồ sơ kê khai thuế, quyết toán thuế, nộp thuế; các kiến thức liên quan đến quy trình hạch toán kế toán thuế tại doanh nghiệp và hộ kinh doanh.

- Nắm được các vấn đề cơ bản về sử dụng công cụ thuế trong hội nhập kinh tế quốc tế; các nguyên tắc, cam kết quốc tế về thuế.

- Nắm được các kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp, kế toán, các kiến thức bổ trợ về kinh tế để phục vụ công tác chuyên môn.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành*

- Có khả năng đảm nhận công việc về quản lý thuế như: Tổng hợp, dự toán; tuyên truyền, hỗ trợ; thanh tra, kiểm tra; kê khai và kế toán thuế; quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế... tại các cơ quan thuế (Tổng cục Thuế, Cục Thuế, các Chi cục Thuế).

- Có khả năng đảm nhận các công việc liên quan đến pháp luật thuế tại các cơ quan quản lý nhà nước như Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan, các Chi cục Hải quan, Sở Tài chính...

- Có khả năng đảm nhận những công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp như: kế toán thuế, tư vấn thuế, các công việc liên quan đến lĩnh vực tài chính - kế toán khác.

- Có khả năng đảm nhận công việc tính thuế, khai thuế, thay mặt người nộp thuế lập hồ sơ giao dịch với cơ quan thuế các cấp, với cơ quan hải quan các cấp.

- Có khả năng làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các trường, cơ quan nghiên cứu khoa học.

**4. Yêu cầu về kỹ năng**

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

- Có kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng nói chung, lĩnh vực thuế nói riêng.

- Có tư duy logic, có kỹ năng trình bày, phân tích và phản biện các vấn đề nghiệp vụ về thuế và tài chính - kế toán.

- Có kỹ năng làm việc độc lập, đồng thời có kỹ năng tổ chức và làm việc theo nhóm trong hoạt động chuyên môn.

- Có kỹ năng cơ bản và thuần thục về tổ chức quản lý các nghiệp vụ tại cơ quan thuế như thanh tra, kiểm tra; quản lý nợ thuế, cưỡng chế thuế; quản lý kê khai, kế toán và thống kê thuế; tuyên truyền, hỗ trợ, ứng dụng tin học trong quản lý thuế.

- Có kỹ năng tính toán, xử lý các nghiệp vụ trong việc thực hiện kê khai, tính thuế, miễn giảm thuế, hoàn thuế.

- Có khả năng soạn thảo các văn bản nghiệp vụ về thuế.

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và kiểm tra công việc được giao.

- Có kỹ năng đọc, phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp.

- Có kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng xây dựng kế hoạch công tác và tổ chức thực hiện công việc thuộc phần hành được giao.

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ*

- Sử dụng thuần thục Tiếng Anh trong đọc các tài liệu chuyên môn.

- Có khả năng ứng dụng thành thạo tin học văn phòng và các phần mềm ứng dụng trong chuyên ngành được đào tạo.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên chuyên ngành Thuế có cơ hội và có khả năng đảm nhận được các công việc, các lĩnh vực chuyên môn về thuế, tài chính, kế toán trong các cơ quan như:

- Cơ quan Bộ Tài chính và Cơ quan Tài chính các cấp.

- Cơ quan Thuế và cơ quan Hải quan các cấp.

- Chuyên gia tại các Công ty xuất khẩu, nhập khẩu; giao nhận vận tải, logistics.

- Kế toán tổng hợp, Kế toán thuế tại các doanh nghiệp.

- Chuyên gia tại các Công ty dịch vụ tư vấn Thuế, Công ty cung cấp dịch vụ đại lý thuế, Công ty đại lý làm thủ tục Hải quan.

- Chuyên gia tại các Ngân hàng, Công ty Bảo hiểm, Công ty Chứng khoán.

- Chuyên gia tư vấn thuế và Kiểm toán viên tại các Công ty Kiểm toán, Công ty Tư vấn Tài chính - Kế toán...

- Có thể làm giảng viên, nghiên cứu viên chuyên môn về thuế tại các Học viện, các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức mới phục vụ công việc chuyên môn.

**7. Triển vọng nghề nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Thuế có cơ hội trở thành các chuyên viên chính thuế, kiểm tra viên chính hải quan, chuyên gia, chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực thuế, hải quan, tài chính, kế toán; Có khả năng đảm nhận các vai trò: Chi cục trưởng Chi cục Thuế/Hải quan, Cục trưởng Thuế/Hải quan, Trưởng phòng Tài chính các quận huyện, Giám đốc Sở Tài chính các tỉnh, lãnh đạo Tổng cục Thuế/Hải quan, Giám đốc bộ phận tư vấn thuế tại các công ty kế toán, kiểm toán...

**III. CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH BẢO HIỂM (Mã 03)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt:* Tài chính Bảo hiểm

*Tiếng Anh:* Insurance Finance

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, cụ thể:

- Hiểu biết đầy đủ bản chất các quy luật kinh tế - tài chính trong nền kinh tế.

- Nắm vững cơ chế chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng phù hợp trong thực tiễn.

- Có khả năng phân tích dữ liệu, đánh giá, dự báo, quản lý, quản trị các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

- Có khả năng tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng để phục vụ cho công tác chuyên môn; có kiến thức và trình độ sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, phần mềm chuyên dùng phục vụ cho công tác chuyên môn.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

- Có kiến thức chuyên sâu về kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm…

- Có kiến thức cơ bản về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tiền gửi.

- Những kiến thức chuyên sâu về pháp luật bảo hiểm, tài chính - kế toán, đầu tư tài chính…

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành:*

- Sinh viên có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm; thực hiện thuần thục các công việc: Nghiên cứu thị trường, lập kế hoạch, tổ chức các kênh phân phối (đại lý, môi giới bảo hiểm), xét nhận bảo hiểm, soạn thảo và tham mưu ký kết hợp đồng, tính phí bảo hiểm, thực hiện quản trị rủi ro, tiến hành giám định, đánh giá tổn thất, tham mưu quyết định số tiền bồi thường, quan hệ và thu xếp hợp đồng với các tổ chức bảo hiểm ở nước ngoài…

- Vận dụng và thực hành các hoạt động nghiệp vụ, quản lý thu, chi trong các tổ chức bảo hiểm, doanh nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục - đào tạo và các đơn vị khác.

- Tư vấn bảo hiểm, xử lý tình huống tranh chấp, hành nghề kế toán, lựa chọn dự án đầu tư, quản lý dự án, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp…

**4. Yêu cầu về kỹ năng**

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

- Có khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ liên quan.

- Có tư duy logic, có kỹ năng trình bày, phản biện các vấn đề nghiệp vụ chuyên ngành.

- Có kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn.

- Có kỹ năng cơ bản và thuần thục các kỹ năng nghề nghiệp của chuyên ngành được đào tạo, như: khai thác, quản trị rủi ro, quản lý hợp đồng, quản lý kênh phân phối, giám định, tính toán tổn thất và giải quyết quyền lợi bảo hiểm, phát hiện, phân tích và đấu tranh với hiện tượng trục lợi bảo hiểm, đọc và phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp bảo hiểm, thực hiện các quyết định đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm …

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ*

- Về Ngoại ngữ: Sử dụng tiếng Anh giao tiếp thành thạo, có khả năng khai thác và sử dụng các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.

- Về Tin học*:* Sử dụng thành thạo tin học cơ bản và các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn.

**5. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp**

- Đảm nhận các công việc quản lý, triển khai các nghiệp vụ bảo hiểm; đầu tư tài chính; quản lý tài chính - kế toán; kiểm soát, kiểm toán nội bộ; phân tích tình hình tài chính trong các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổng đại lý bảo hiểm.

- Quản lý việc cấp giấy phép hoạt động, các sản phẩm triển khai; kiểm tra, giám sát điều kiện và tình hình hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính doanh nghiệp tại Cục Quản lý, Giám sát Bảo hiểm (Bộ Tài chính) và các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo hiểm từ trung ương đến địa phương.

- Thực hiện quản lý nghiệp vụ, quản lý thu - chi, đầu tư tài chính…trong các đơn vị thuộc hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam từ trung ương đến địa phương; trong các bệnh viện, trường học.

- Làm việc tại Hiệp hội Bảo hiểm Việt nam, các cơ sở đào tạo hành nghề bảo hiểm, các tổ chức tư vấn pháp luật và các bộ phận quản lý rủi ro trong các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức.

- Giữ các cương vị chủ chốt trong các bộ phận quản trị kênh phân phối ngân hàng - bảo hiểm (bancassurance) trong tất cả các ngân hàng.

- Có khả năng làm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học chuyên môn về tài chính bảo hiểm tại các trường (Đại học, Học viện…) và các cơ quan nghiên cứu khoa học, các Viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp**:

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học tập, cập nhật kiến thức mới phục vụ công việc chuyên môn.

**7. Triển vọng nghề nghiệp:**

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính Bảo hiểm có cơ hội trở thành chuyên viên chính, chuyên gia, chuyên gia cao cấp của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm; có khả năng đảm nhận vai trò: Trưởng phòng (ban) quản lý nghiệp vụ, tái bảo hiểm, quản lý quỹ và đầu tư, tài chính - kế toán, Kế toán trưởng, Giám đốc các đơn vị thành viên; Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị tại các doanh nghiệp bảo hiểm của Việt Nam và các doanh nghiệp bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài ở trong và ngoài nước.

**IV. CHUYÊN NGÀNH: HẢI QUAN VÀ NGHIỆP VỤ NGOẠI THƯƠNG (Mã 05)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt*: Hải quan và nghiệp vụ ngoại thương

*Tiếng Anh*: Customs and Foreign Trade Operations.

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, cụ thể:

- Hiểu biết đầy đủ bản chất các quy luật kinh tế - tài chính trong nền kinh tế.

- Nắm vững cơ chế chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng phù hợp trong thực tiễn.

- Có khả năng phân tích dữ liệu, đánh giá, dự báo, quản lý, quản trị các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

- Có khả năng tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng để phục vụ cho công tác chuyên môn; có kiến thức và trình độ sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, phần mềm chuyên dùng phục vụ cho công tác chuyên môn.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

- Có kiến thức tổng hợp và toàn diện về hải quan và nghiệp vụ ngoại thương, nắm vững mối quan hệ giữa cơ quan hải quan với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, với các doanh nghiệp tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và giao nhận vận tải quốc tế.

- Am hiểu và nắm vững kiến thức về các nội dung hải quan, thuế, khoa học hàng hoá, phân loại hàng hóa, xuất xứ hàng hoá, trị giá hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm soát hải quan, kiểm tra sau thông quan, sở hữu trí tuệ, chính sách quản lý nhà nước đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

- Am hiểu và nắm vững kiến thức về các nội dung kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương, giao nhận và vận tải quốc tế, thương mại quốc tế, quản trị logistics và chuỗi cung ứng.

- Có kiến thức và nắm vững các quy định pháp lý quốc tế và Việt Nam về xuất khẩu, nhập khẩu, về hải quan, thuế, giao nhận vận tải quốc tế, logistics và chuỗi cung ứng.

- Hiểu và vận dụng lý thuyết, các quy định pháp lý của Nhà nước vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực hải quan và nghiệp vụ ngoại thương.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành*

- Các công việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan và lĩnh vực thuế, như: (1) quản lý, nghiên cứu và hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra hải quan, giám sát hải quan, kiểm soát hải quan, kiểm tra tính thuế và tổ chức thực hiện thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại cơ quan hải quan các cấp; quản lý, nghiên cứu, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra tính thuế và tổ chức thực hiện thu thuế tại cơ quan thuế các cấp; (2) nghiên cứu, rà soát, xây dựng chính sách về hải quan, về thuế tại Văn phòng Chính phủ, tại một số vụ, cục của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Viện Chiến lược và Chính sách tài chính...; (3) Rà soát, nghiên cứu và ban hành chính sách trong lĩnh vực logistics, xuất khẩu và nhập khẩu tại một số vụ, cục của Bộ Công thương; (4) thẩm định, giám sát việc tổ chức thực hiện các văn bản pháp quy, các chính sách trong lĩnh vực hải quan, thuế, logistics và xuất khẩu, nhập khẩu tại một số Ủy ban của Quốc hội;

- Các công việc quản trị và kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu và dịch vụ khai hải quan: (1) Soạn thảo, đàm phán, tư vấn ký kết hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu quốc tế; quản lý và kiểm tra chứng từ xuất khẩu, nhập khẩu, khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phát triển khách hàng trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu tại các doanh nghiệp xuất nhập khẩu; (2) thực hiện dịch vụ khai hải quan, tư vấn khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, tư vấn kê khai thuế liên quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại các đại lý hải quan, công ty tư vấn thuế, công ty kiểm toán;

- Các công việc quản trị, kinh doanh trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng, như: tư vấn dịch vụ giao nhận và vận tải quốc tế hoặc trong nước, phát triển khách hàng trong lĩnh vực logistics; lập kế hoạch quản lý các đơn đặt hàng, lập kế hoạch ký hợp đồng mua hàng, quản trị và kinh doanh kho hàng, quản trị hệ thống thông tin logistics tại các Công ty logistics, các công ty đa quốc gia có chuỗi cung ứng, các công ty giao nhận và vận tải quốc tế (các công ty vận chuyển hàng không, các công ty vận tải biển, vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức quốc tế, các công ty dịch vụ cảng hàng không, cảng biển, các trung tâm kho vận);

- Công việc giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực hải quan, thuế, ngoại thương, logistics và chuỗi cung ứng tại các trường cao đẳng, đại học, học viện và các viện nghiên cứu.

**4. Yêu cầu về kỹ năng**

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

- Có kỹ năng quản lý trong lĩnh vực hải quan, thuế và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu đáp ứng công việc của các cơ quan quản lý nhà nước về Hải quan, về Thuế cũng như về xuất khẩu, nhập khẩu, như: kỹ năng kiểm tra hải quan, giám sát hải quan, kiểm soát hải quan; kỹ năng phân tích, phân loại hàng hóa, kỹ năng kiểm tra phân loại hàng hóa, áp mã thuế; kiểm tra xuất xứ hàng hóa, kiểm tra trị giá hải quan, kỹ năng kiểm tra tính thuế và thu thuế hải quan; kỹ năng kiểm tra sau thông quan, kỹ năng thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới; kỹ năng quản lý hàng hóa vào ra các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, khu phi thuế quan, các khu kinh tế cửa khẩu;

- Có đủ kỹ năng nghề nghiệp trong các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, Đại lý làm thủ tục hải quan, như: kỹ năng thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, kỹ năng đàm phán, ký kết, vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu, kỹ năng xác định trị giá hải quan, kỹ năng phân loại và áp mã hàng hóa, xác định xuất xứ hàng hóa, kỹ năng tính toán các loại thuế liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu, kỹ năng lập báo cáo quyết toán/báo cáo tài chính theo nguyên tắc “nhập, xuất, tồn kho”. Có kỹ năng nhận diện rủi ro, nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả, hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp; kỹ năng tư vấn cho doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan, thủ tục tính thuế, thủ tục hoàn thuế với cơ quan hải quan;

- Có kỹ năng quản trị và kinh doanh trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics như: kỹ năng xây dựng phương án đàm phán, ký kết hợp đồng vận tải quốc tế, hợp đồng mua các yếu tố đầu vào của sản xuất và cung ứng sản phẩm tới người tiêu dùng, kỹ năng kinh doanh dịch vụ logistics trong thương mại điện tử; Có kỹ năng quản trị và kinh doanh trong các công ty, tập đoàn có quản lý chuỗi cung ứng, như: kỹ năng xây dựng kế hoạch, quản lý đơn đặt hàng, kỹ năng quản trị kho hàng, kỹ năng xây dựng kế hoạch logistics trong chuỗi, kỹ năng lập kế hoạch vận chuyển, phân phối hàng hóa tới đại lý và người tiêu dùng, kỹ năng lập kế hoạch tồn kho và logistics ngược;

- Có kỹ năng quản trị, kinh doanh, tư vấn các dịch vụ chuyên môn, các dịch vụ xây dựng, thẩm định tài chính, kế toán, thuế và hải quan liên quan đến giao nhận và vận tải quốc tế, dịch vụ logistics và chuỗi cung ứng trong nước và toàn cầu;

- Có kỹ năng nghiên cứu, phân tích, đánh giá, phát hiện, dự báo và đề xuất chính sách, phản biện chính sách trong lĩnh vực hải quan, quản lý ngoại thương, logistics và chuỗi cung ứng;

- Sử dụng thành thạo các phương tiện và phần mềm hỗ trợ để khai thủ tục hải quan, phần mềm xác định cước phí tối ưu trong dịch vụ logistics, quản lý kho hàng liên quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, liên quan đến thương mại điện tử;

- Có kỹ năng làm việc tập thể và khả năng hợp tác.

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ*

- Về Ngoại ngữ: Sử dụng tiếng Anh giao tiếp thành thạo, có khả năng khai thác và sử dụng các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.

- Về Tin học: Sử dụng thành thạo tin học cơ bản và các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

- Kiểm tra viên hải quan, kiểm tra viên thuế trong các Cục, Vụ của Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thuế, tại các phòng nghiệp vụ của các Cục Hải quan, các Cục Thuế địa phương, các Chi cục hải quan, Chi cục thuế địa phương;

- Chuyên viên nghiên cứu, xây dựng chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật về hải quan, về thuế tại các Ủy ban của Quốc hội, như: Ủy ban Tài chính - Ngân sách, Ủy ban Kinh tế, Ủy ban Pháp luật, Kiểm toán Nhà nước…; tại các Vụ của Văn phòng Chính phủ, Thanh tra chính phủ, Vụ chính sách Thuế, Vụ Pháp chế của Bộ Tài chính, của Tổng cục Thuế, tại các Vụ, Cục của Tổng cục Hải quan và các Phòng nghiên cứu của Viện Chiến lược và chính sách Tài chính - Bộ Tài chính, các viện nghiên cứu kinh tế liên quan đến hải quan, thuế và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu;

- Nhân viên chứng từ xuất khẩu, nhập khẩu, nhân viên khai hải quan, nhân viên phát triển khách hàng trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, nhân viên đàm phán, ký kết hợp đồng thương mại quốc tế, nhân viên kế toán thuế tại các doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu, tại các công ty giao nhận, vận tải quốc tế; nhân viên kinh doanh xuất nhập khẩu, nhân viên quản trị và kinh doanh kho hàng, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, nhân viên phân tích tài chính và xây dựng phương án tài chính cho các dự án đầu tư tại các Công ty logistics, các công ty đa quốc gia có chuỗi cung ứng;

- Chuyên viên nghiên cứu, quản lý nhà nước về logistics, chuỗi cung ứng và nghiệp vụ ngoại thương tại Cục xuất nhập khẩu, Cục Xúc tiến thương mại, Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng, Viện nghiên cứu Thương mại - Bộ Công thương; tại Ban quản lý khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế cửa khẩu;

- Nhân viên phát triển khách hàng, nhân viên phòng kinh doanh tại các công ty giao nhận, vận tải quốc tế (các hãng vận chuyển hàng không, các hãng vận tải biển, vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức, các công ty dịch vụ cảng hàng không, cảng biển, các trung tâm kho vận); Nhân viên tư vấn hải quan, tư vấn thuế tại các đại lý hải quan, đại lý thuế, các công ty tư vấn hải quan, tư vấn thuế, các công ty kiểm toán;

- Chuyên viên tư vấn, chuyên viên kinh doanh tại các sàn giao dịch thương mại điện tử, các ngân hàng thương mại (tài trợ tín dụng cho hoạt động xuất nhập khẩu), công ty tài chính (bộ phận nhập khẩu hàng đầu tư cho thuê tài chính);

- Trợ giảng, giảng viên và nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực hải quan, ngoại thương, thương mại, logistics và chuỗi cung ứng tại các trường đại học, cao đẳng, học viện, cơ quan nghiên cứu khoa học...

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu và đào tạo sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới, tự hoàn thiện bản thân, nâng cao trình độ chuyên môn, hiểu biết xã hội, trình độ và bản lĩnh chính trị.

- Có năng lực học và thi 3 chứng chỉ hành nghề chuẩn quốc tế và quốc gia. Trong đó, 2 chứng chỉ quốc tế theo FIATA gồm: (1) Chứng chỉ quốc tế về Logistics (FIATA DIPLOMA in International Freight Management) và (2) FIATA Higher DIPLOMA in Supply Chain Management); Và chứng chỉ hành nghề khai thủ tục Hải quan của Việt Nam do Tổng cục Hải quan tổ chức thi và cấp chứng chỉ (sinh viên tốt nghiệp được miễn 2/3 môn thi).

**7. Triển vọng nghề nghiệp**

- Sinh viên có cơ hội, khả năng thi và nhận được chứng chỉ hành nghề liên quan đến công việc giới thiệu tại mục 6 sau khi tốt nghiệp;

- Trong tương lai, sinh viên có triển vọng phát triển nghề nghiệp như:

+ Có triển vọng đạt chuẩn kiểm tra viên chính và kiểm tra viên cao cấp trong ngành Hải quan, ngành Thuế và chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp tại một số Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành; thanh tra viên chính, thanh tra viên cao cấp của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ Tài chính, kiểm toán viên chính, kiểm toán viên cao cấp của Kiểm toán Nhà nước.

+ Có triển vọng đạt chuẩn giảng viên chính, giảng viên cao cấp tại các trường cao đẳng, đại học; nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp tại các viện nghiên cứu có chức năng liên quan đến hải quan, thuế và nghiệp vụ ngoại thương.

+ Có triển vọng trở thành các nhà quản lý trung, cao cấp, giám đốc, tổng giám đốc, thành viên hội đồng quản trị tại công ty xuất khẩu, nhập khẩu, các công ty tư vấn hải quan, các công ty logistics và chuỗi cung ứng; công ty giao nhận và vận tải quốc tế.

+ Có triển vọng trở thành các chuyên gia tư vấn cao cấp trong công ty tư vấn về thủ tục hải quan và thuế, các công ty logistics và chuỗi cung ứng có vốn nước ngoài, công ty kiểm toán.

**V. CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (Mã 08)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt:* Tài chính quốc tế

*Tiếng Anh:* International Finance

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, cụ thể:

- Hiểu biết đầy đủ bản chất các quy luật kinh tế - tài chính trong nền kinh tế.

- Nắm vững cơ chế chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng phù hợp trong thực tiễn.

- Có khả năng phân tích dữ liệu, đánh giá, dự báo, quản lý, quản trị các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

- Có khả năng tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng để phục vụ cho công tác chuyên môn; có kiến thức và trình độ sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, phần mềm chuyên dùng phục vụ cho công tác chuyên môn.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành:*

Kiến thức cơ bản về các công việc liên quan đến thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, nghiệp vụ ngoại thương, đầu tư quốc tế, tài chính - tín dụng tại các ngân hàng thương mại, các công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, các quỹ đầu tư, công ty tài chính…; Có các kiến thức về quản trị tài chính tại các doanh nghiệp; quản trị tài chính tại các công ty đa quốc gia; quản trị tài chính tại các công ty xuất nhập khẩu, logistics...

Có kiến thức toàn diện và nắm được quy trình về quản lý các dự án có sử dụng vốn vay quốc tế, kể cả vay ưu đãi ODA của các Bộ, Ngành, địa phương; Nắm vững quy trình và các nghiệp vụ cơ bản của quản trị thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp quốc tế; quy trình đầu tư gián tiếp quốc tế. Hiểu biết và nắm được quy trình tiến hành các công việc liên quan đến quản lý nợ và tài chính đối ngoại tại các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành:*

- Phân tích, đánh giá các quy luật kinh tế quốc tế, các mối quan hệ tài chính quốc tế, tư vấn cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn, đưa ra các quyết định tài chính;

- Đọc và phân tích các báo cáo tài chính của các doanh nghiệp và các công ty đa quốc gia; biết đọc và phân tích các số liệu trong các báo cáo kế toán;

- Lập và thẩm định tài chính cho các dự án đầu tư của doanh nghiệp;

- Đánh giá và lựa chọn phương án huy động vốn trong nước và quốc tế cho doanh nghiệp; biết phân tích tình hình sử dụng vốn, quản trị tài chính tại các doanh nghiệp, các công ty đa quốc gia; quản trị tài chính trong phân phối lợi nhuận tại các doanh nghiệp, các công ty đa quốc gia; tại các công ty kinh doanh xuất nhập khẩu;

- Thực hiện các nghiệp vụ có liên quan trong lĩnh vực tài chính quốc tế tại các doanh nghiệp như kế toán quốc tế, đầu tư quốc tế, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, vay nợ quốc tế và quản trị hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài, các công ty đa quốc gia;

- Tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, đầu tư quốc tế, tài chính - tín dụng quốc tế tại các ngân hàng thương mại, các công ty bảo hiểm, chứng khoán, các quỹ đầu tư, công ty tài chính…;

- Tham gia đàm phán, ký kết, quản lý việc thực hiện các Hiệp định và hợp đồng kinh doanh quốc tế tại các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế;

- Nắm được các quy trình và các cơ sở thực hiện các công việc liên quan đến đánh giá tình hình vay nợ; ký kết các hợp đồng vay nợ; thực hiện giải ngân nợ; quản lý nợ và sử dụng nợ để có thể trả nợ vay trong nước và quốc tế;

- Thực hiện theo quy trình quản lý các dự án có sử dụng vốn vay quốc tế, kể cả vay ưu đãi ODA của các Bộ, Ngành, địa phương; quản trị thực hiện các dự án có vốn đầu tư nước ngoài và có yếu tố nước ngoài;

- Thực hiện nghiệp vụ cụ thể khi nhận biết và xử lý các vấn đề chống chuyển giá, thương mại quốc tế, phòng ngừa rủi ro…;

- Nắm được các vấn đề về thuế và các luật thuế; vấn đề liên quan đến hợp tác thuế quốc tế; quản lý thuế với các doanh nghiệp và các công ty đa quốc gia;

- Nắm được các cam kết cơ bản của Việt Nam với các Tổ chức quốc tế và các quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế**.**

**4. Yêu cầu về kỹ năng**

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

- Có khả năng thực hiện công việc thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đối với các hoạt động liên quan đến hoạt động thương mại và tài chính quốc tế, quản lý vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, quản lý vốn đầu tư gián tiếp và vốn vay, hoạt động hợp tác về thuế và hải quan quốc tế.

- Có kỹ năng thực hiện các công việc hoạt động thanh toán quốc tế và logistics, kinh doanh ngoại tệ, đầu tư quốc tế, các hoạt động tài chính - tín dụng quốc tế tại các ngân hàng thương mại, các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế, các công ty đa quốc gia.

- Có tư duy logic, có kỹ năng trình bày, phản biện để phát hiện, xử lý các vấn đề liên quan đến lĩnh vực và dự báo tình hình tài chính quốc tế.

- Có kỹ năng đàm phán, ký kết, quản lý việc thực hiện các Hiệp định và hợp đồng kinh doanh quốc tế tại các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế; Có kỹ năng tính toán và tổ chức thực hiện các vấn đề về sử dụng vốn, quản trị tài chính tại các doanh nghiệp, gồm cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Có kỹ năng làm việc nhóm và phối hợp công tác chuyên môn với các đơn vị, cá nhân có liên quan như: cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính nước ngoài, các doanh nghiệp trong và ngoài nước... để hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được giao.

- Biết cách sử dụng các phương tiện và phần mềm hỗ trợ phân tích các hoạt động tài chính, có khả năng tư duy khoa học và làm việc độc lập.

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ:*

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính quốc tế có khả năng sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ (trước hết là tiếng Anh) để làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế, sử dụng các tài liệu nước ngoài để phục vụ cho việc phân tích và tổ chức thực hiện các hoạt động Tài chính quốc tế.

- Biết sử dụng thành thạo các phương tiện và phần mềm hỗ trợ để phân tích, dự đoán các hoạt động kinh tế - tài chính quốc tế, lập kế hoạch và thực thi các hoạt động tài chính quốc tế.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính quốc tế sau khi ra trường có thể làm việc tại các vị trí sau:

**-** Có thể trở thành các chuyên viên tại các Bộ, Ngành như Bộ Công thương, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng nhà nước Việt Nam…

- Làm việc tại các Ban quản lý các dự án có sử dụng vốn vay quốc tế, kể cả vay ưu đãi ODA của các Bộ, ngành, địa phương; quản trị thực hiện các dự án có vốn đầu tư nước ngoài và có yếu tố nước ngoài.

- Làm việc tại các cơ quan về Hải quan, Tài chính doanh nghiệp, các Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ các địa phương, quản lý thuế; thương mại và dịch vụ.

- Có thể làm nhân viên, cán bộ quản lý tài chính tại các cơ quan đại diện của các nước và các tổ chức quốc tế tại Việt Nam và các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài.

- Làm các công việc chuyên môn về quản trị tài chính tại các doanh nghiệp; tại các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các công ty xuất nhập khẩu.

- Có thể thực hiện ngay các công việc chuyên môn liên quan đến thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, đầu tư quốc tế, tài chính - tín dụng quốc tế tại các công ty, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp chuyên về logistics, các công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, các quỹ đầu tư, công ty tài chính…

- Có thể làm việc chuyên môn về kế toán viên hoặc kiểm toán tại các doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp nước ngoài và tại các công ty kiểm toán; lập và thẩm định tài chính cho các dự án đầu tư của doanh nghiệp; các công việc về thuế tại các doanh nghiệp và các công ty có vốn đầu tư nước ngoài.

- Có thể làm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học chuyên môn về tài chính quốc tế, thương mại quốc tế tại các trường đại học, cao đẳng và các cơ quan nghiên cứu khoa học, các viện nghiên cứu.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ ở các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

- Có khả năng tự học tập, cập nhật các kiến thức nghề nghiệp mới phục vụ cho công tác chuyên môn.

**7. Triển vọng nghề nghiệp**

- Có triển vọng trở thành Trưởng ban/phòng Tài chính - kế toán, Giám đốc tài chính, Giám đốc điều hành, Trưởng ban kiểm soát, thành viên hội đồng quản trị của các các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Có khả năng trở thành chuyên gia tư vấn tài chính chuyên nghiệp cho các công ty, các tổ chức kinh tế - tài chính, các quỹ đầu tư; chuyên gia cao cấp tại các cơ quan nghiên cứu về kinh tế và chiến lược tài chính.

- Có nền tảng tốt để chuyển đổi và phát triển nghề nghiệp từ lĩnh vực tài chính quốc tế sang các lĩnh vực nghề nghiệp khác như: quản trị kinh doanh, ngân hàng, bảo hiểm, tài chính doanh nghiệp, kinh doanh chứng khoán, kế toán - kiểm toán, thuế…

- Ngoài ra, sinh viên chuyên ngành Tài chính quốc tế có thêm nhiều cơ hội để trở thành các chuyên gia tài chính của các tổ chức quốc tế như IMF, WB, UNDP, các cơ quan đại diện của các nước, các công ty đa quốc gia và các doanh nghiệp nước ngoài...

**VI. CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP (Mã 11)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt*: Tài chính doanh nghiệp

*Tiếng Anh*: Corporate Finance

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, cụ thể:

- Hiểu biết đầy đủ bản chất các quy luật kinh tế - tài chính trong nền kinh tế.

- Nắm vững cơ chế chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng phù hợp trong thực tiễn.

- Có khả năng phân tích dữ liệu, đánh giá, dự báo, quản lý, quản trị các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

- Có khả năng tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng để phục vụ cho công tác chuyên môn; có kiến thức và trình độ sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, phần mềm chuyên dùng phục vụ cho công tác chuyên môn.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

- Có kiến thức tổng hợp và toàn diện về tài chính doanh nghiệp, nắm vững các mối quan hệ tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; hiểu biết về đặc điểm và tác dụng của các công cụ quản trị tài chính doanh nghiệp.

- Nắm vững kiến thức về các nội dung quản trị tài chính trong doanh nghiệp như quản trị huy động vốn, quản trị đầu tư vốn, quản trị sử dụng vốn, quản trị dòng tiền, quản trị phân phối lợi nhuận, quản trị rủi ro tài chính và lập kế hoạch tài chính doanh nghiệp.

- Có kiến thức và khả năng nhận diện các yếu tố tác động đến hoạt động tài chính doanh nghiệp, biết phân tích đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp, đánh giá và lựa chọn các chính sách tài chính cho doanh nghiệp.

- Có kiến thức về tổ chức bộ máy quản trị tài chính doanh nghiệp, xây dựng cơ chế quản lý tài chính cho doanh nghiệp.

- Có kiến thức và nắm vững các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính doanh nghiệp, về cơ chế giám sát tài chính doanh nghiệp, am hiểu pháp luật kinh tế - tài chính. Có khả năng cập nhật cơ chế, chính sách trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.

- Nắm vững kiến thức cơ bản về kế toán doanh nghiệp, thuế và quản lý thuế, nghiệp vụ tín dụng ngân hàng, thị trường tài chính, định giá tài sản, có kiến thức về kinh tế vĩ mô có tác động đến hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành*

- Biết lập và thẩm định tài chính các dự án đầu tư cho doanh nghiệp. Biết đánh giá các khoản đầu tư tài chính của doanh nghiệp.

- Biết đánh giá và lựa chọn phương án huy động vốn, phương án phân phối lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- Biết phân tích và đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp, phát hiện và đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính doanh nghiệp.

- Biết lập kế hoạch tài chính và xây dựng cơ chế quản lý tài chính cho doanh nghiệp.

- Biết nhận diện rủi ro, nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; thiết lập hệ thống quản trị rủi ro tài chính, quản trị dòng tiền, biết định giá doanh nghiệp, mua bán sáp nhập doanh nghiệp.

- Biết cách tổ chức bộ máy quản trị tài chính của doanh nghiệp, tổ chức quy trình đánh giá và lựa chọn các chính sách tài chính của doanh nghiệp.

**4. Yêu cầu về kỹ năng**

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

- Có khả năng nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

- Có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên môn để đánh giá và lựa chọn các quyết định tài chính của doanh nghiệp.

- Có tư duy logic, có kỹ năng trình bày, phản biện các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.

- Có kỹ năng tổ chức triển khai công tác quản trị tài chính doanh nghiệp, kỹ năng tổ chức làm việc nhóm khi hoạch định chính sách tài chính doanh nghiệp.

- Có kỹ năng cơ bản và thuần thục các kỹ năng nghề nghiệp của chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp như: kỹ năng đọc báo cáo tài chính, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp, phát hiện ra những hạn chế trong hoạt động quản trị tài chính doanh nghiệp; kỹ năng đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường quản trị tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; kỹ năng hoạch định chính sách tài chính, kỹ năng dự báo tài chính, kỹ năng chuẩn bị báo cáo quản trị tài chính doanh nghiệp.

- Biết cách sử dụng các phương tiện và phần mềm hỗ trợ phân tích tài chính, hoạch định chính sách tài chính cho doanh nghiệp.

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ*

- Về Ngoại ngữ: Sử dụng tiếng Anh giao tiếp thành thạo, có khả năng khai thác và sử dụng các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.

- Về Tin học: Sử dụng thành thạo tin học cơ bản và các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp sau khi ra trường có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Có thể đảm nhận ngay công việc chuyên môn như: làm chuyên viên tài chính, kế toán viên, kiểm soát viên tại các doanh nghiệp, các tập đoàn, tổng công ty thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế.

- Có thể làm việc chuyên môn tại các cơ quan quản lý Nhà nước như: Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Cục Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính các tỉnh, Các Cục và Chi cục thuế, Kho Bạc nhà nước, các Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Chính sách tài chính... thuộc các Bộ, Ban, Ngành.

- Có thể làm nhà môi giới đầu tư trên thị trường chứng khoán; các chuyên gia tư vấn tài chính tại các Công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư, Công ty Tài chính, Công ty Kiểm toán, Sở Giao dịch chứng khoán, làm chuyên viên tín dụng tại các tổ chức Tài chính - Tín dụng, Chuyên viên tái thẩm định tại các ngân hàng.

- Có thể trở thành giảng viên giảng dạy các môn học về tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và định giá chứng khoán, lý thuyết tài chính tiền tệ tại các Học viện, các trường Đại học, Cao đẳng; làm nghiên cứu viên tại các cơ quan nghiên cứu khoa học, các Viện nghiên cứu về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng nói chung và Tài chính doanh nghiệp nói riêng.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

**7. Triển vọng nghề nghiệp**

- Có triển vọng trở thành Trưởng Ban/phòng Tài chính - kế toán, Giám đốc tài chính, Giám đốc điều hành, Trưởng ban kiểm soát, thành viên hội đồng quản trị của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Có khả năng trở thành chuyên gia tư vấn tài chính chuyên nghiệp cho các công ty, các tổ chức kinh tế, các quỹ đầu tư; chuyên gia cao cấp tại các Viện nghiên cứu về kinh tế và chiến lược tài chính.

**VII. CHUYÊN NGÀNH: NGÂN HÀNG (Mã 15)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt*: Ngân hàng

*Tiếng Anh*: Banking

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, cụ thể:

- Hiểu biết đầy đủ bản chất các quy luật kinh tế - tài chính trong nền kinh tế.

- Nắm vững cơ chế chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng phù hợp trong thực tiễn.

- Có khả năng phân tích dữ liệu, đánh giá, dự báo, quản lý, quản trị các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

- Có khả năng tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng để phục vụ cho công tác chuyên môn; có kiến thức và trình độ sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, phần mềm chuyên dùng phục vụ cho công tác chuyên môn.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

- Có kiến thức tổng hợp và toàn diện về Tài chính Ngân hàng, nắm vững các mối quan hệ tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng thương mại, Tổ chức tín dụng; hiểu biết về đặc điểm và tác dụng của các công cụ quản trị Ngân hàng.

- Nắm vững kiến thức về các nội dung quản trị Ngân hàng thương mại như quản trị huy động vốn, quản trị tín dụng (cho vay và đầu tư), quản trị nguồn vốn và tài sản, quản trị các dịch vụ Ngân hàng thương mại, quản trị rủi ro…

- Có kiến thức và khả năng nhận diện các yếu tố tác động đến hoạt động Ngân hàng, ngân hàng quốc tế, biết phân tích đánh giá tình hình tài chính của Ngân hàng thương mại, đánh giá và lựa chọn các chính sách tài chính cho Ngân hàng thương mại.

- Có kiến thức về tổ chức bộ máy quản trị Ngân hàng, xây dựng cơ chế quản lý tài chính cho Ngân hàng thương mại.

- Có kiến thức và nắm vững các quy định của Nhà nước về quản lý hoạt động kinh doanh Ngân hàng, về cơ chế giám sát Ngân hàng, am hiểu pháp luật kinh tế - tài chính. Có khả năng cập nhật cơ chế, chính sách trong lĩnh vực Ngân hàng.

- Nắm vững kiến thức cơ bản về kế toán Ngân hàng thương mại, kế toán Ngân hàng Nhà nước, kế toán các doanh nghiệp, kế toán thuế và quản lý thuế, nghiệp vụ tín dụng ngân hàng, thị trường tài chính, định giá tài sản, có kiến thức về kinh tế vĩ mô có tác động đến hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành*

- Biết lập kế hoạch quản trị nguồn vốn huy động. Biết đánh giá cơ cấu từng nguồn vốn theo mục tiêu quản trị vốn hiện đại.

- Biết phân tích, thẩm định các dự án cho vay, đầu tư đối với các loại hình khách hàng. Biết đánh giá các khoản đầu tư tài chính của doanh nghiệp.

- Biết đánh giá và lựa chọn phương án cho vay và đầu tư có hiệu quả, đảm bảo chất lượng.

- Biết phân tích và đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp, phát hiện và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, hiệu quả cho vay và đầu tư của Ngân hàng.

- Biết lập kế hoạch tài chính và xây dựng cơ chế quản lý tài chính cho Ngân hàng

- Biết nhận diện rủi ro, nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng; thiết lập hệ thống quản trị rủi ro tài chính, quản trị dòng tiền, biết định giá tài sản bảo đảm, xử lý rủi ro, xử lý nợ xấu.

- Biết cách tổ chức bộ máy quản trị tài chính của ngân hàng, tổ chức quy trình đánh giá và lựa chọn các chính sách tài chính của ngân hàng thương mại.

**4. Yêu cầu về kỹ năng**

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

- Có khả năng nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính của ngân hàng thương mại.

- Có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên môn để đánh giá và lựa chọn các quyết định kinh doanh của ngân hàng thương mại.

- Có tư duy logic, có kỹ năng trình bày, phản biện các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngân hàng.

- Có kỹ năng tổ chức triển khai công tác quản trị ngân hàng, kỹ năng tổ chức làm việc nhóm khi hoạch định chính sách ngân hàng.

- Có kỹ năng cơ bản và thuần thục các kỹ năng nghề nghiệp của chuyên ngành Ngân hàng như: Kỹ năng đọc báo cáo tài chính, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp; phát hiện ra những hạn chế trong hoạt động quản trị ngân hàng. Kỹ năng đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường quản trị ngân hàng thương mại, nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại. Kỹ năng hoạch định chính sách kinh tế, kỹ năng dự báo, kỹ năng chuẩn bị báo cáo quản trị ngân hàng.

- Biết cách sử dụng các phương tiện và phần mềm hỗ trợ phân tích tài chính, hoạch định chính sách cho ngân hàng.

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ*

- Về Ngoại ngữ: Sử dụng tiếng Anh giao tiếp thành thạo, có khả năng khai thác và sử dụng các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.

- Về Tin học: Sử dụng thành thạo tin học cơ bản và các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Ngân hàng sau khi ra trường có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Có thể đảm nhận ngay công việc chuyên môn tại các Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước, Tổ chức tín dụng; tại các doanh nghiệp, các tập đoàn, tổng công ty thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế.

- Có thể làm việc chuyên môn tại các cơ quan quản lý Nhà nước như: Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Các Cục và Chi cục thuế, Kho Bạc nhà nước, các Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Chính sách tài chính... thuộc các Bộ, Ban, Ngành.

- Có thể làm các công việc chuyên môn tại các Công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư, Công ty Tài chính, Công ty Kiểm toán, Sở Giao dịch chứng khoán, các tổ chức Tài chính - Tín dụng, các Doanh nghiệp.

- Có thể trở thành giảng viên giảng dạy các môn học về Ngân hàng, thị trường tài chính và định giá chứng khoán, lý thuyết tài chính tiền tệ tại các Học viện, các trường Đại học, Cao đẳng; làm nghiên cứu viên tại các cơ quan nghiên cứu khoa học, các Viện nghiên cứu về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng nói chung và Ngân hàng nói riêng.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

**7. Triển vọng nghề nghiệp**

- Có triển vọng trở thành các lãnh đạo trong hệ thống các Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước, Tổ chức tín dụng. Trưởng Ban/phòng tài chính - kế toán, Giám đốc tài chính, Giám đốc điều hành, Trưởng ban kiểm soát, thành viên hội đồng quản trị của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Có khả năng trở thành chuyên gia tư vấn tài chính chuyên nghiệp cho các công ty, các tổ chức kinh tế, các quỹ đầu tư; chuyên gia cao cấp tại các Viện nghiên cứu về kinh tế và chiến lược tài chính.

**VIII. CHUYÊN NGÀNH: THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN (Mã 16)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt*: Thẩm định giá và kinh doanh bất động sản

*Tiếng Anh*: Valuation and Property business

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, cụ thể:

- Hiểu biết đầy đủ bản chất các quy luật kinh tế - tài chính trong nền kinh tế.

- Nắm vững cơ chế chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng phù hợp trong thực tiễn.

- Có khả năng phân tích dữ liệu, đánh giá, dự báo, quản lý, quản trị các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

- Có khả năng tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng để phục vụ cho công tác chuyên môn; có kiến thức và trình độ sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, phần mềm chuyên dùng phục vụ cho công tác chuyên môn.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

- Nắm vững các nguyên lý và cơ chế vận hành giá cả trong nền kinh tế thị trường, biết tổ chức công tác thẩm định giá và hoạt động kinh doanh bất động sản.

- Nắm vững phương pháp thu thập thông tin, cách thức tổ chức công tác, xây dựng quy trình, lựa chọn phương pháp thẩm định giá bất động sản và máy móc thiết bị, tài sản vô hình.

- Có kiến thức cơ bản về phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh vĩ mô và vi mô ảnh hưởng tiềm năng sinh lời của một doanh nghiệp. Biết phân tích và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp, biết lựa chọn các phương pháp thích hợp để xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu và giá trị doanh nghiệp.

- Nắm được nội dung cơ bản của công tác quản lý nhà nước, hiểu biết quy luật cung cầu và giá cả đối với thị trường bất động sản. Biết cách xây dựng chiến lược kinh doanh, hoạt động Maketing, nắm vững nghiệp vụ môi giới, quản lý sàn giao dịch bất động sản, huy động vốn và thẩm định tính khả thi của các dự án đầu tư bất động sản.

- Nắm vững tiêu chuẩn thẩm định giá và các văn bản pháp lý chi phối trực tiếp công tác thẩm định giá và hoạt động kinh doanh bất động sản hiện hành tại Việt Nam.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành*

- Biết tổ chức công tác thẩm định giá, bao gồm: xây dựng quy trình nghiệp vụ, maketing, ký kết hợp đồng với khách hàng, thu thập và đánh giá độ tin cậy của thông tin, phân tích và chỉ ra mức giá hợp lý, lập báo cáo và chứng thư thẩm định giá theo quy định hiện hành đối với các loại tài sản máy, thiết bị chuyên dùng, bất động sản, tài sản vô hình.

- Biết đánh giá một cách có hệ thống các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến giá trị doanh nghiệp; biết đọc, hiểu và phân tích các báo cáo tài chính doanh nghiệp, biết xác định mức giá hợp lý của cổ phiếu riêng lẻ và của toàn bộ giá trị doanh nghiệp.

- Biết xây dựng chiến lược, đánh giá rủi ro, lập kế hoạch triển khai dự án, đánh giá và lựa chọn phương án huy động vốn và thẩm định tài chính các dự án đầu tư bất động sản.

- Biết Maketing, tư vấn và môi giới, quản lý sàn giao dịch bất động sản, kinh doanh bất động sản.

- Biết cách sử dụng các phương tiện và phần mềm hỗ trợ cho việc thu thập thông tin, phân tích, đánh giá giá trị tài sản và kinh doanh bất động sản.

**4. Yêu cầu về kỹ năng**

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

- Có khả năng nhận diện, phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong công tác thẩm định giá và hoạt động kinh doanh bất động sản.

- Có khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn để tư vấn một cách khách quan về môi trường kinh doanh, mức giá hợp lý và hiệu quả đầu tư cho tổ chức và cá nhân trong hoạt động kinh doanh bất động sản và chứng khoán.

- Có tư duy logic, có kỹ năng trình bày, phản biện các vấn đề liên quan đến lĩnh vực thẩm định giá tài sản và kinh doanh bất động sản.

- Có kỹ năng tổ chức triển khai công tác, tổ chức làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên môn, nghề nghiệp một cách có hiệu quả.

- Có kỹ năng cơ bản và thuần thục về thu thập, lưu trữ và xử lý thông tin, lập bảng phân tích và điều chỉnh các yếu tố ảnh hưởng tới giá trị tài sản mục tiêu, lập báo cáo và chứng thư thẩm định giá, thuần thục cách đọc và sử dụng phần mềm để phân tích các báo cáo tài chính doanh nghiệp, thuần thục các kỹ năng marketing bán hàng, môi giới bất động sản, quản lý sàn giao dịch bất động sản.

- Có khả năng tư vấn về quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản. Có khả năng tham mưu cho trọng tài kinh tế để giải quyết các tranh chấp có liên quan việc xử lý các lợi ích kinh tế.

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ*

- Về Ngoại ngữ: Sử dụng tiếng Anh giao tiếp thành thạo, có khả năng khai thác và sử dụng các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.

- Về Tin học: Sử dụng thành thạo tin học cơ bản và các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Định giá tài sản và kinh doanh bất động sản của Học viện Tài chính sau khi ra trường có thể làm việc tại các vị trí sau:

*-* Có thể đảm nhận ngay công việc chuyên môn tại các công ty Thẩm định giá chuyên nghiệp; các công ty Chứng khoán, bộ phận Thẩm định tín dụng và Thẩm định tài sản thế chấp trong các ngân hàng thương mại; các công ty Kiểm toán; các doanh nghiệp chuyên kinh doanh, quản lý, môi giới bất động sản, Tổng công ty kinh doanh vốn nhà nước, công ty mua bán nợ...

*-* Có thể làm nhà môi giới đầu tư trên thị trường chứng khoán; các chuyên gia tư vấn tài chính tại các Công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư, Công ty Tài chính, Công ty Kiểm toán, Sở Giao dịch chứng khoán, làm chuyên viên tín dụng tại các tổ chức Tài chính - Tín dụng…

*-* Có thể làm công việc chuyên môn tại các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động thẩm định giá tài sản, máy móc thiết bị, bất động sản, kinh doanh bất động sản và đánh giá doanh nghiệp như Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng, Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Cục quản lý giá - Bộ Tài chính, các Viện - Trung tâm nghiên cứu về Kinh tế - Tài chính, Thị trường giá cả, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm lưu ký chứng khoán.

*-* Có thể trở thành giảng viên giảng dạy các môn học về Thẩm định giá tài sản và kinh doanh bất động sản tại các Học viện, các trường Đại học, Cao đẳng; làm nghiên cứu viên tại các cơ quan nghiên cứu khoa học, các Viện nghiên cứu về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng nói chung và Thẩm định giá tài sản và kinh doanh bất động sản nói riêng.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

**7. Triển vọng nghề nghiệp**

- Có triển vọng trở thành Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng phòng kinh doanh, Phó Giám đốc kinh doanh, Giám đốc của các công ty kinh doanh Bất động sản, các công ty Thẩm định giá, các Trung tâm Thẩm định giá và đấu giá…

- Có khả năng trở thành chuyên gia cao cấp về Thẩm định giá và tư vấn đầu tư tài chính chuyên nghiệp.

**IX. CHUYÊN NGÀNH: PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH (Mã 18)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt*: Phân tích chính sách tài chính

*Tiếng Anh*: Financial policy analysis

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, cụ thể:

- Hiểu biết đầy đủ bản chất các quy luật kinh tế - tài chính trong nền kinh tế.

- Nắm vững cơ chế chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng phù hợp trong thực tiễn.

- Có khả năng phân tích dữ liệu, đánh giá, dự báo, quản lý, quản trị các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

- Có khả năng tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng để phục vụ cho công tác chuyên môn; có kiến thức và trình độ sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, phần mềm chuyên dùng phục vụ cho công tác chuyên môn.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

*- Kiến thức về hoạch định, phân tích và đánh giá chính sách tài chính*

+ Trang bị kiến thức mang tính lý luận về chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm phát triển nhận thức về chính sách, phương pháp và kỹ năng hoạch định chính sách tài chính.

+ Trang bị khả năng sử dụng các phương pháp và mô hình phân tích vào những tình huống cụ thể trong thực tiễn liên quan đến chính sách tài khóa (thuế, chi tiêu công) và tiền tệ (lãi suất, cung tiền, tỷ giá…), công cụ phân tích quyết định đầu tư.

+ Kiến thức cơ bản cho các kỹ năng đánh giá tác động của chính sách tài chính đến nền kinh tế và đến mỗi tổ chức kinh tế về mặt định tính cũng như định lượng.

+ Trang bị kiến thức kiến thức chuyên môn liên quan đến quy trình hoạch định và phân tích chính sách công, tập trung vào lĩnh vực tài chính, tiền tệ.

+ Trang bị kiến thức nền tảng của kinh tế học ứng dụng và phân tích chính sách

- *Kiến thức về xây dựng chiến lược và quản lý tài chính trong khu vực công và tư*

+ Trang bị những khái niệm và công cụ phân tích về phân tích tài chính doanh nghiệp, phân tích chính sách tài chính vĩ mô, phân tích rủi ro

+ Trang bị kiến thức cơ bản nhằm có kỹ năng phân tích phục vụ cho quản lý mang tính chiến lược, công tác dự báo và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hay kế hoạch phát triển kinh tế của từng đơn vị.

+ Cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho phân tích ảnh hưởng của chính sách, đánh giá dự báo cho hoạt động của các tổ chức công và tư, cung cấp thông tin trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất và chiến lược phát triển của đơn vị.

+ Cung cấp các kiến thức cho việc tổ chức phân tích và đánh giá tác động của chính sách tới doanh nghiệp.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành*

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Phân tích chính sách tài chính có thể đảm nhận các công việc sau:

- Thu thập và phân tích dữ liệu tài chính, kinh tế phục vụ cho công tác phân tích, dự báo tại các các doanh nghiệp sản xuất và các tổ chức tài chính, tín dụng. Tham gia hỗ trợ các hoạt động quản lý tài chính tại đơn vị.

- Phân tích tác động của các chính sách tài chính đến hiệu quả hoạt động của đơn vị như tác động của chính sách đến doanh thu, lợi nhuận…

- Tham gia hoạt động phân tích dự báo tại các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trực tiếp đến hoạch định, thực thi, phân tích chính sách tài chính. Hỗ trợ chuyên gia cao cấp trong việc phân tích dữ liệu tài chính.

- Lập kế hoạch về thu – chi Ngân sách nhà nước và tham gia vào phân tích tác động của các chính sách tài chính tại các cơ quan như Uỷ ban nhân dân các cấp, Hội đồng nhân dân các cấp, các cơ quan Chính phủ và các Ủy ban của của Quốc hội

- Phân tích, dự báo tác động của chính sách kinh tế, tài chính tới hoạt động của doanh nghiệp như: lãi suất, thuế, tỷ giá hay đầu tư công. Tham gia lập kế hoạch tài chính và chiến lược sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp.

**4. Yêu cầu về kỹ năng**:

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

Có khả năng thu thập, phân tích và đọc báo cáo liên quan đến chính sách kinh tế nói chung và chính sách tài khóa, tiền tệ nói riêng.

Có tư duy logic, có khả năng trình bày, phân biện các vấn đề nghiệp vụ liên quan đến phân tích tài chính – kinh tế, đánh giá chính sách tài chính (thuế, chi tiêu công, lãi suất, tỷ giá…).

Có kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn.

Có kỹ năng cơ bản và thuần thục các kỹ năng nghề nghiệp của chuyên ngành được đào tạo.

Cụ thể:

Có kỹ năng thu thập và phân tích số liệu về tài khóa như thuế, chi tiêu công, các số liệu về tiền tệ và kinh tế vĩ mô khác.

Có khả năng sử dụng một số mô hình phân tích định lượng cho phân tích chính sách, dự báo và đánh giá tác động chính sách.

Có kỹ năng liên quan đến phân tích như: thiết kế câu hỏi, điều tra, phỏng vấn đánh giá tác động chính sách.

Có kỹ năng trình bày một báo cáo phân tích chính sách từ đơn giản đến phức tạp.

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ*

- Ngoại ngữ: Sử dụng thuần thục tiếng Anh trong công việc chuyên môn đến mức độ trung cấp bậc 3.

- Tin học: thành thạo các phần mềm cho văn phòng.

- Phần mềm cho phân tích định lượng: một số phần mềm cho phân tích như SPSS, Eview, STATA.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**:

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành phân tích chính sách tài chính có thể làm việc tại cả hai khu vực công và tư:

*- Đối với khu vực công*: Sinh viên có thể làm việc ở các cơ quan trung ương như Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Kho Bạc nhà nước…), Bộ Kế hoach Đầu tư, các Vụ Kế hoạch - Tài chính... tại các Bộ, Ban, Ngành.

Sinh viên có thể làm việc tại các cơ quan địa phương như: UBND, HĐNH các cấp, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, Cục và các Chi cục thuế, các đơn vị sự nghiệp công lập...

*- Các cơ quan nghiên cứu, tư vấn chính sách*: Sinh viên có thể làm việc tại các viện nghiên cứu chiến lược và chính sách các Bộ, Ngành, các Viện nghiên cứu về kinh tế, các Trường đại học khối Kinh tế, Tài chính, các công ty tư vấn trong nước và quốc tế. Vị trí làm việc cụ thể có thể gồm giảng dạy, nghiên cứu tại các trường, các cơ quan nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, chuyên viên tư vấn..

*- Đối với khu vực doanh nghiệp sản xuất kinh doanh (doanh nghiệp phi tài chính):* Sinh viên có thể làm việc tại Phòng ban về Kế hoạch, Đầu tư, Chiến lược, Tài chính tại các Tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

*- Đối với các doanh nghiệp tài chính như Ngân hàng, Công ty Bảo hiểm, công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư, Quỹ BHXH, Công ty tài chính:* Sinh viên có thể làm chuyên viên phân tích và dự báo tại các Ngân hàng, công ty bảo hiểm, các Quỹ đầu tư; chuyên viên tư vấn tài chính ở các công ty chứng khoán, công ty kiểm toán v.v.

- *Với các công ty tư vấn (tư vấn tài chính, công ty chứng khoán, công ty kiểm toán…), các tổ chức tài chính quốc tế và các tổ chức phi chính phủ khác (Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế...)*: Sinh viên có thể làm việc như chuyên viên tư vấn, chuyên viên phân tích đánh giá chính sách, chuyên viên phân tích và dự báo các dữ liệu về tài chính, chuyên viên tư vấn cho các công ty tư vấn về tài chính, kế toán trong và ngoài nước.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:**

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn trong nước và các cơ sở đào tạo ngoài nước về lĩnh vực tài chính ngân hàng, phân tích chính sách, quản trị công…

- Có khả năng học tập, cập nhật kiến thức mới phục vụ công việc chuyên môn.

**7. Triển vọng nghề nghiệp**:

- Sinh viên có triển vọng trở thành chuyên gia cao cấp trong các lĩnh vực về phân tích, đánh giá tác động chính sách tài chính tiền tệ (thuế, chi tiêu công, tiền tệ, ngân hàng..) ở các đơn vị hoặc tư vấn độc lập.

- Sinh viên có triển vọng trở thành lãnh đạo các cấp trong khu vực nhà nước như lãnh đạo các cơ quan hành pháp, lập pháp ở Trung ương và địa phương.

- Sinh viên có triển vọng trở thành lãnh đạo các cấp trong các tổ chức tài chính, doanh nghiệp do đã có kiến thức nền về phân tích và hoạch định chính sách.

- Sinh viên có triển vọng trở thành chuyên gia tư vấn cao cấp cho phân tích và quản lý dự án, chuyên viên phân tích chiến lược đầu tư, tại các các Tổng công ty, các công ty và các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các công ty chứng khoán, các ngân hàng và các tổ chức tín dụng…

**X. CHUYÊN NGÀNH: ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Mã 19)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt*: Đầu tư tài chính

*Tiếng Anh*: Financial Investment

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, cụ thể:

- Hiểu biết đầy đủ bản chất các quy luật kinh tế - tài chính trong nền kinh tế.

- Nắm vững cơ chế chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng phù hợp trong thực tiễn.

- Có khả năng phân tích dữ liệu, đánh giá, dự báo, quản lý, quản trị các vấn đề trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

- Có khả năng tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng để phục vụ cho công tác chuyên môn; có kiến thức và trình độ sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, phần mềm chuyên dùng phục vụ cho công tác chuyên môn.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

- Có kiến thức chuyên sâu và kỹ năng phân tích và dự báo, kiến thức đầu tư, am hiểu các quy luật chung và đặc điểm riêng của từng mảng thị trường trong thị trường tài chính, từng công cụ đầu tư trên thị trường, am hiểu các đặc tính rủi ro và cách quản lý rủi ro các công cụ đầu tư.

- Có kiến thức nhìn nhận thị trường tổng quan, có khả năng áp dụng các phương tiện và phần mềm hỗ trợ để phân tích và dự báo độc lập, không chỉ để phục vụ hoạt động chuyên môn trên thị trường tài chính mà còn là các chuyên gia phân tích dự báo về kinh tế vĩ mô và phân tích ngành, có thể xây dựng và quản lý danh mục đầu tư cho đối tượng đầu tư khác nhau.

- Có kiến thức phân tích, hoạch định và thực hiện chính sách phát triển thị trường tài chính; có kiến thức về quản lý và giám sát thị trường, chống gian lận và các hành vi lừa đảo trên thị trường.

- Có kiến thức chuyên sâu về phân tích cơ bản, về phân tích kỹ thuật, quản lý danh mục đầu tư, về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, đáp ứng yêu cầu về chất lượng cũng như đòi hỏi ngày càng cao của xã hội về nhân lực chuyên ngành đầu tư tài chính.

- Nắm được các kiến thức cơ bản về thuế, tài chính doanh nghiệp và các kiến thức bổ trợ về kinh tế phục vụ cho công tác chuyên môn về chuyên ngành Đầu tư tài chính.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành.*

- Ứng dụng các phương pháp và kỹ thuật phân tích để phân tích, đánh giá, tư vấn giúp công chúng đưa ra quyết định đầu tư, quyết định tài chính của doanh nghiệp, của các chủ thể trong nền kinh tế.

- Ứng dụng phân tích cơ bản và định giá tài sản tài chính, phân tích kỹ thuật để lựa chọn tài sản đầu tư, ra quyết định giao dịch tài sản tài chính.

- Vận dụng các kiến thức chuyên ngành để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của tổ chức kinh doanh chứng khoán như môi giới chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tự doanh chứng khoán, quản lý tài sản.

- Quản lý rủi ro. Nhận diện rủi ro, nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của đầu tư tài chính; Thiết lập hệ thống quản trị rủi ro trong đầu tư tài chính.

- Xây dựng và quản lý danh mục đầu tư, quản trị danh mục đầu tư tài chính.

- Hiểu rõ các loại công cụ phái sinh và ứng dụng, sử dụng chúng trong đầu tư tài chính.

- Phân tích và đánh giá tình hình tài chính các doanh nghiệp, phát hiện và đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính các công ty đại chúng.

**4. Yêu cầu về kỹ năng**

*4.1 Kỹ năng nghề nghiệp*

- Kỹ năng phân tích: Thành thạo trong việc phân tích, tổng hợp và xử lý những thông tin, những vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư như nhận thức cơ hội đầu tư tài chính, xác định hiệu quả đầu tư tài chính, đánh giá rủi ro và đưa ra quyết định đầu tư tài chính.

- Có khả năng xây dựng và tham gia xây dựng chiến lược, kế hoạch đầu tư tài chính.

- Có khả năng vận dụng các công cụ và phương pháp tiên tiến trong tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện các chính sách đầu tư tài chính.

- Có kỹ năng nghiên cứu và làm việc nhóm trong hoạt chuyên môn.

- Có đủ kỹ năng và năng lực phân tích để giải quyết các vấn đề chuyên môn với mức độ phức tạp, có tính liên ngành trong phân tích thị trường tài chính.

- Kỹ năng mềm: Soạn thảo được các báo cáo công việc đúng chuẩn mực; có khả năng thuyết trình, thuyết phục, đàm phán và khả năng giao tiếp tốt, có khả làm việc nhóm.

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ*

- Về Ngoại ngữ: Sử dụng thuần thục Tiếng Anh trong giao tiếp và các công việc chuyên môn.

- Về Tin học: Có khả năng sử dụng thành thạo tin học văn phòng (word, excel) vào công tác chuyên môn. Có khả năng sử dụng các phần mềm phân tích, thống kê dự báo phổ biến phục vụ hoạt động chuyên môn.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Đầu tư Tài chính của Học viện Tài chính sau khi ra trường có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Có thể đảm nhận công việc chuyên môn như chuyên viên phân tích, chuyên viên môi giới, chuyên viên quản lý tài sản tại các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư. Chuyên viên đầu tư tại các công ty bảo hiểm các ngân hàng thương mại, các doanh nghiệp niêm yết…

- Có thể làm việc tại Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, các cơ quan khác của Chính phủ về Kinh tế - Tài chính, các Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán, Công ty cổ phần đại chúng…

- Có cơ hội trở thành các chuyên gia về dịch vụ tài chính có khả năng hành nghề tại Việt Nam, các nước Asean, trở thành thành viên của các tổ chức nghề nghiệp về chứng khoán và các hiệp hội nghề nghiệp uy tín trên thế giới.

- Đủ kiến thức để làm việc nghiên cứu chuyên môn tại các viện nghiên cứu kinh tế, các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

- Có khả năng trở thành các giảng viên, nghiên cứu viên về lĩnh vực Kinh tế, Chứng khoán, Đầu tư Tài chính, Ngân hàng… tại các Đại học, Học viện, Viện nghiên cứu.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức mới phục vụ công việc chuyên môn.

**7. Triển vọng nghề nghiệp**

Có cơ hội trở thành chuyên gia tài chính, chuyên gia về đầu tư tài chính; có thể đảm nhận các vị trí: Trưởng, phó phòng đầu tư tài chính; Trưởng, Phó giám đốc Tài chính của doanh nghiệp; Giám đốc, Tổng giám đốc các công ty trong nước và nước ngoài…

**XI. CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP (Mã 21)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt*: Kế toán doanh nghiệp

*Tiếng Anh*: Corporate Accounting

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

- Có kiến thức lý luận khoa học và thực tiễn một cách hệ thống và toàn diện về kế toán, kiểm toán như: bản chất, lịch sử ra đời, hình thành, phát triển và sự cần thiết khách quan của kế toán, kiểm toán trong nền kinh tế thị trường.

- Có kiến thức toàn diện về kế toán, kiểm toán nói chung và kiến thức kế toán, kiểm toán chuyên sâu ở từng lĩnh vực đặc thù (lĩnh vực kinh doanh, lĩnh vực công..) xét trên cả góc độ lý luận và thực tiễn.

- Hiểu rõ được sự cần thiết khách quan và có khả năng vận dụng những qui định, những chuẩn mực về kế toán, kiểm toán áp dụng trong phạm vi của mỗi Quốc gia, trong mỗi giai đoạn lịch sử, trong khu vực và thế giới; Có kiến thức lý luận cơ bản và kĩ năng để tự cập nhật, tự bồi dưỡng những thay đổi của chính sách, chế độ, chuẩn mực kế toán, kiểm toán.

- Nắm được những kiến thức lý luận và thực tiễn để vận dụng vào thực hiện, phân tích, xử lý những thông tin kế toán với những công việc mà mình thực hiện trong mọi lĩnh vực công, tư, ở phạm vi trong nước hay quốc tế.

- Nắm vững kiến thức để có thể phân tích phát hiện, giải quyết; tư vấn, tham mưu những vấn đề phức tạp, chuyên sâu về kinh tế, tài chính, kế toán kiểm toán.

- Có kỹ năng, tư duy phối hợp giải quyết công việc giữa các chuyên gia kế toán, kiểm toán với nhau, giữa các hoạt động kế toán, kiểm toán ở các lĩnh vực công và tư (lĩnh vực sản xuất kinh doanh) và với những chuyên gia kinh tế có liên quan khác.

- Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tìm kiếm và lựa chọn kiến thức kế toán, kiểm toán, kinh tế, tài chính dùng vào những mục đích cụ thể; Có các kỹ năng ứng dụng kiến thức kế toán, kiểm toán vào hoạt động nghề nghiệp của mình.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

- Có kiến thức toàn diện, nắm chắc quy trình kế toán các nghiệp vụ kinh tế - tài chính như kế toán vốn bằng tiền và thanh toán, kế toán các yếu tố đầu vào, kế toán quá trình sản xuất kinh doanh, kế toán đầu tư tài chính…, lập và phân tích hệ thống báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính hợp nhất ở các doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Có hiểu biết toàn diện về kế toán quản trị và tổ chức thông tin kế toán quản trị để tư vấn, tham mưu cho các nhà quản trị các cấp trong doanh nghiệp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn và các chiến lược sản xuất kinh doanh dài hạn.

- Có kiến thức nền tảng mang tính nguyên lý và khả năng tự phát hiện, cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán và môi trường kinh doanh để phục vụ cho công việc chuyên môn.

- Có hiểu biết cơ bản về kế toán theo thông lệ quốc tế và các nước phát triển để thực hiện công tác kế toán trong môi trường làm việc quốc tế.

- Có hiểu biết cơ bản về thuế, tài chính doanh nghiệp, kinh doanh chứng khoán, ngân hàng, pháp luật kinh tế; các kiến thức bổ trợ về kinh tế khác để phục vụ hiệu quả cho công tác chuyên môn.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành*

- Thực hiện được các quy trình kế toán chủ yếu trong công tác kế toán của các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế.

- Lập, đọc và phân tích các báo cáo tài chính của doanh nghiệp độc lập và báo cáo tài chính tổng hợp, báo cáo tài chính bộ phận, báo cáo tài chính hợp nhất của các Tổng công ty, tập đoàn kinh tế.

- Tham gia hoạch định hệ thống ngân sách kinh doanh của doanh nghiệp; tổng hợp số liệu, phân tích kinh doanh và tổ chức thông tin để tư vấn cho nhà quản trị trong các quyết định ngắn hạn và chiến lược.

- Thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ các hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp; phát hiện và xử lý được các rủi ro, sai sót trong công tác tài chính, kế toán và thuế của doanh nghiệp.

- Xác định rõ vị trí công việc trong bộ máy kế toán để thực hiện các công việc kế toán được phân công theo từng phần hành kế toán cụ thể và kế toán tổng hợp; Tự tổ chức thực hiện công việc kế toán một cách chủ động và phối hợp hiệu quả trong bộ máy kế toán nói riêng, trong hệ thống quản lý của doanh nghiệp nói chung.

- Sử dụng một cách thành thạo các phương tiện kĩ thuật, phần mềm chuyên dùng phục vụ cho công tác kế toán.

**4. Yêu cầu về kỹ năng**

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

- Có kỹ năng triển khai các công việc kế toán theo từng phần hành kế toán cụ thể và tổng hợp; Áp dụng các kiến thức chuyên môn để thực hiện công việc đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện của đơn vị.

- Có khả năng nắm bắt nhu cầu thông tin của các nhà quản trị và thực hiện thu thập, tổng hợp, phân tích dữ liệu, thuyết trình, tư vấn cho nhà quản trị trong các tình huống quản trị điều hành ngắn hạn và các quyết định chiến lược.

- Có tư duy logic, có kỹ năng trình bày, phản biện để phát hiện, xử lý các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán doanh nghiệp.

- Có khả năng tổ chức thực hiện công việc kế toán một cách chủ động và phối hợp hiệu quả trong bộ máy kế toán nói riêng, trong hệ thống quản lý của doanh nghiệp nói chung. Có khả năng tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán và môi trường kinh doanh để phục vụ cho công việc chuyên môn.

- Có kỹ năng làm việc nhóm và phối hợp công tác chuyên môn với các đơn vị, cá nhân có liên quan như: cơ quan thuế; ngân hàng, các doanh nghiệp, cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được giao.

- Có kỹ năng phát hiện các rủi ro, sai sót và hạn chế trong công tác kế toán của doanh nghiệp, từ đó đề xuất cải tiến, nâng cao hiệu quả công tác kế toán của doanh nghiệp.

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ:*

- Về Ngoại ngữ: Sử dụng tiếng Anh giao tiếp thành thạo, có khả năng khai thác và sử dụng các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.

- Về Tin học: Sử dụng thành thạo tin học cơ bản và các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp của Học viện Tài chính sau khi ra trường có thể làm việc tại các vị trí sau:

*-* Có thể đảm nhận ngay công việc chuyên môn như: kế toán viên, nhân viên tài chính, kiểm soát viên tại các doanh nghiệp, các tập đoàn, tổng công ty thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế.

*-* Có thể làm việc chuyên môn tại Kiểm toán nhà nước; các công ty kiểm toán độc lập; các tổ chức tài chính - tín dụng; các cơ quan quản lý nhà nước như: Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan; các Tổng cục, cục, vụ thuộc các Bộ; các đơn vị hành chính, sự nghiệp Trung ương đến địa phương.

*-* Có thể làm giảng viên, nghiên cứu viên chuyên môn về kế toán doanh nghiệp tại các Học viện, các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu về lĩnh vực tài chính, kế toán và kinh tế.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

**7. Triển vọng nghề nghiệp**

- Có triển vọng trở thành Kế toán trưởng, Trưởng Ban/phòng Tài chính - kế toán, Giám đốc tài chính, Trưởng ban kiểm soát, thành viên hội đồng quản trị; chủ tịch Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Có khả năng trở thành các kế toán viên, kiểm toán viên chuyên nghiệp có chứng chỉ quốc gia/quốc tế để hành nghề cung cấp dịch vụ kế toán, tư vấn tài chính - kế toán, quản trị và kiểm soát cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

*-* Có khả năng trở thành chuyên gia cung cấp dịch vụ kế toán, thuế, kiểm soát có khả năng hành nghề tại Việt Nam; trở thành thành viên của các tổ chức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán của Việt Nam, quốc tế.

- Có nền tảng tốt để chuyển đổi và phát triển nghề nghiệp từ lĩnh vực kế toán - kiểm toán sang các lĩnh vực nghề nghiệp khác như: quản trị kinh doanh, ngân hàng, bảo hiểm, tài chính doanh nghiệp, kinh doanh chứng khoán, thuế…

- Có khả năng trở thành các nhà lãnh đạo cấp cao trong doanh nghiệp như chủ tịch Hội đồng quản trị; Giám đốc, Tổng giám đốc ở các doanh nghiệp, các tập đoàn lớn; Có cơ hội trở thành các nhà chính trị cấp cao tại các địa phương và Trung ương.

**XII. CHUYÊN NGÀNH: KIỂM TOÁN (Mã 22)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo:**

*Tiếng Việt*: Kiểm toán

*Tiếng Anh*: Auditing

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức:**

*3.1. Kiến thức ngành*

- Có kiến thức lý luận khoa học và thực tiễn một cách hệ thống và toàn diện về kế toán, kiểm toán như: bản chất, lịch sử ra đời, hình thành, phát triển và sự cần thiết khách quan của kế toán, kiểm toán trong nền kinh tế thị trường.

- Có kiến thức toàn diện về kế toán, kiểm toán nói chung và kiến thức kế toán, kiểm toán chuyên sâu ở từng lĩnh vực đặc thù (lĩnh vực kinh doanh, lĩnh vực công..) xét trên cả góc độ lý luận và thực tiễn.

- Hiểu rõ được sự cần thiết khách quan và có khả năng vận dụng những qui định, những chuẩn mực về kế toán, kiểm toán áp dụng trong phạm vi của mỗi quốc gia, trong mỗi giai đoạn lịch sử, trong khu vực và thế giới; Có kiến thức lý luận cơ bản và kĩ năng để tự cập nhật, tự bồi dưỡng những thay đổi của chính sách, chế độ, chuẩn mực kế toán, kiểm toán.

- Nắm được những kiến thức lý luận và thực tiễn để vận dụng vào thực hiện, phân tích, xử lý những thông tin kế toán với những công việc mà mình thực hiện trong mọi lĩnh vực công, tư, ở phạm vi trong nước hay quốc tế.

- Nắm vững kiến thức để có thể phân tích phát hiện, giải quyết; tư vấn, tham mưu những vấn đề phức tạp, chuyên sâu về kinh tế, tài chính, kế toán kiểm toán.

- Có kỹ năng, tư duy phối hợp giải quyết công việc giữa các chuyên gia kế toán, kiểm toán với nhau, giữa các hoạt động kế toán, kiểm toán ở các lĩnh vực công và tư (lĩnh vực sản xuất kinh doanh) và với những chuyên gia kinh tế có liên quan khác.

- Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tìm kiếm và lựa chọn kiến thức kế toán, kiểm toán, kinh tế, tài chính dùng vào những mục đích cụ thể; Có các kỹ năng ứng dụng kiến thức kế toán, kiểm toán vào hoạt động nghề nghiệp của mình.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

- Có kiến thức lý luận khoa học và thực tiễn một cách hệ thống, toàn diện, vững chắc về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán trong nền kinh tế thị trường hội nhập.

- Có kiến thức toàn diện về các loại hình và lĩnh vực kế toán, kiểm toán cụ thể trong nền kinh tế. Từ đó giúp người học có được những kiến thức cơ bản và chuyên sâu cả về lý luận và thực tiễn trong việc phân tích, đánh giá hoạt động quản lý kinh doanh của đơn vị; và tổ chức quản lý và thực hiện cuộc kiểm toán hiệu quả.

- Hiểu rõ và nắm vững những khái niệm cốt lõi, nội dung cơ bản của các công việc trong thực hành kiểm toán và có khả năng tự nghiên cứu, mở rộng nội dung kiểm toán ở các phần hành có liên quan và các cuộc kiểm toán liên kết nhiều loại kiểm toán.

- Có kiến thức toàn diện về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro trong đơn vị để phục vụ công tác kiểm toán, kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán theo các quan điểm và cách tiếp cận truyền thống và hiện đại.

- Nắm vững kiến thức để có thể phân tích, thảo luận và bình luận sâu những vấn đề phức tạp về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán. Có khả năng tự cập nhật kiến thức liên quan đến chế độ, chính sách trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán.

- Hiểu được tầm quan trọng của công nghệ và sự thay đổi của công nghệ dẫn tới sự thay đổi của thị trường, cũng như xu hướng cung cấp dịch vụ kiểm toán trong nền kinh tế thị trường hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành*

- Biết thực hiện các bước công việc trong quy trình kiểm toán tại đơn vị gồm lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán và kết thúc kiểm toán.

- Biết cách thức tổ chức quản lý và kiểm soát chất lượng cuộc kiểm toán tại đơn vị.

- Biết xác định, phân tích các thông tin tại đơn vị để nhận diện rủi ro phục vụ quá trình thu thập bằng chứng kiểm toán cũng như tư vấn cải thiện hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro tại đơn vị được kiểm toán; phát hiện và đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện hoạt động được kiểm toán.

- Có khả năng thực hiện tổ chức công tác kiểm toán và xử lý các vấn đề phát sinh trong mối quan hệ giữa kiểm toán viên, tổ chức kiểm toán với các tổ chức bên ngoài.

- Biết ứng dụng kiến thức lý luận và thực tiễn về kiểm toán để hội nhập nhanh với môi trường làm việc toàn cầu.

- Biết tạo dựng danh tiếng cá nhân thông qua việc tích luỹ và nâng cao kỹ năng, khả năng nghề nghiệp để thu hút nhà tuyển dụng, khẳng định vị thế của người học.

- Biết tự chủ và chịu trách nhiệm với công việc cũng như có khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc năng động, sáng tạo.

**4. Yêu cầu về kỹ năng**

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

- Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

- Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn hoạt động trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán từ đó hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp.

- Có khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động và nghiệp vụ kiểm toán, kế toán, tài chính, đầu tư …

- Có tư duy logic, có kỹ năng giao tiếp đặc biệt sử dụng tốt kỹ năng trình bày và thương thảo trong công việc; biết phản biện, đánh giá các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ.

- Có kỹ năng tổ chức, làm việc theo nhóm và làm việc độc lập trong lĩnh vực chuyên môn về kiểm toán kế toán, tài chính, kinh doanh, đầu tư, ngân sách Nhà nước. Từ đó hình thành khả năng kết nối trong công việc để xử lý công việc hiệu quả.

- Có kỹ năng tổ chức công tác kiểm toán, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan giữa các cuộc kiểm toán, giữa các kiểm toán viên với nhau; xử lý các mối quan hệ giữa kiểm toán với kế toán, tài chính, thuế, thanh tra, kiểm tra, giữa nghiên cứu với thực hành, lý thuyết với thực tiễn, giữa quy định với thực hiện…

- Có các kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề chuyên sâu trong kiểm toán hiện đại ngày nay;

- Có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức kiểm toán chuyên sâu để dùng vào những mục đích riêng biệt; Có các kỹ năng ứng dụng kiến thức kiểm toán vào hoạt động nghề nghiệp của mình trong điều kiện hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0.

- Có kiến thức xã hội và kỹ năng mềm: hiểu được bối cảnh xã hội và ngoại cảnh để áp dụng trong công việc. Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc năng động, sáng tạo, sức ép khi làm việc cho mọi loại hình đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp ở mọi thành phần kinh tế.

- Có kỹ năng sử dụng phù hợp các nghi thức xã giao trong kinh doanh khi làm việc tại các đơn vị. Có tác phong chuyên nghiệp, hiện đại.

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ*

- Ngoại ngữ:Sử dụng thành thạo lý luận và chuyên môn trong công việc theo yêu cầu và nhiệm vụ được giao. Người học biết chủ động tìm kiếm, cập nhật và tổng hợp thông tin về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán trong công việc để đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng trong nước.

- Tin học: Có khả năng ứng dụng và sử dụng công cụ tin học thành thạo trong công việc chuyên môn. Biết sử dụng các phần mềm sẵn có trong máy tính để phục vụ chuyên môn và kết nối các phần mềm thông mạng lưới xã hội để hội nhập được với môi trường làm việc cá nhân, nhóm có sự sáng tạo và thích nghi cao với điều kiện thực tiễn.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên chuyên ngành Kiểm toán hệ Đại học chính quy của Học viện Tài chính sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhận các công việc với những cơ hội nghề nghiệp như sau:

- Ở Lĩnh vực Doanh nghiệp: Làm việc ở mọi loại hình doanh nghiệp, từ Trung ương đến địa phương không phân biệt thành phần kinh tế.

- Lĩnh vực Nhà nước: có thể làm công việc chuyên môn tại Kiểm toán Nhà nước, ở các Bộ ngành, tỉnh thành, các cơ quan quản lý kinh tế của nhà nước như: Thuế, Hải quan, Chứng khoán, Ngân hàng, Bảo hiểm, Kho bạc, Kế hoạch và đầu tư, quản lý thị trường, Tài chính Nhà nước từ Trung ương đến địa phương; các đơn vị hành chính sự nghiệp, các đơn vị sử dụng công quỹ của Nhà nước .

- Lĩnh vực nghiên cứu khoa học và giảng dạy: Làm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu chính sách, chế độ về quản lý kinh tế, tài chính, pháp luật và chuẩn mực kế toán, kiểm toán tại các cơ quan nghiên cứu khoa học, các trường đại học, các Bộ, Ngành, Viện, Học viện, Trung tâm nghiên cứu.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tiếp tục học tập ở các bậc học cao hơn, có thể học tại những cơ sở đào tạo trong nước, nước ngoài nếu cần thiết.

- Có khả năng tự định hướng học tập, cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn đáp ứng và hoàn thành tốt mọi công việc được giao trong điều kiện hội nhập hiện nay và yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Có khả năng vận dụng kỹ năng nghề nghiệp ở các cấp độ chuyên sâu để phát triển trong một thế giới kết nối của tương lai, ở đó đề cao sự hợp tác, sáng tạo và kết nối xã hội trong công việc.

- Có đủ điều kiện tham gia các kỳ thi trong nước để nhận chứng chỉ nghề nghiệp ở các cấp độ chuyên nghiệp và chuyên sâu do Việt nam cấp.

**7. Triển vọng nghề nghiệp**

Sinh viên chuyên ngành kiểm toán hệ Đại học chính quy sau khi tốt nghiệp, bằng sự nỗ lực phấn đấu sẽ có rất nhiều triển vọng:

- Trở thành các kiểm toán viên chính, kiểm toán viên cao cấp, giám đốc kiểm toán của các tổ chức kiểm toán danh tiếng như Big Four với môi trường làm việc đa ngôn ngữ và văn hoá.

- Trở thành các chuyên gia kế toán, kiểm toán, chủ nhiệm kiểm toán, trưởng phòng kế toán, kiểm toán, kế toán trưởng, trưởng phòng tài chính, Giám đốc, hội đồng quản trị cho các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các doanh nghiệp trong nước, các đối tác quốc tế trong khu vực và thế giới.

- Trở thành những người đứng đầu về quản lý kinh tế, tài chính của các Tỉnh, Thành phố ở Trung ương, địa phương kể cả các chính trị gia trong tương lai.

- Các nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín, đầu ngành về kế toán và kiểm toán. Các chuyên gia xây dựng, soạn thảo ban hành các chuẩn mực kế toán, kiểm toán của quốc gia.

**XIII. CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN CÔNG (Mã 23)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt*: Kế toán công

*Tiếng Anh*: Public accounting

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

+ Có kiến thức lý luận khoa học và thực tiễn một cách hệ thống và toàn diện về kế toán, kiểm toán như: bản chất, lịch sử ra đời, hình thành, phát triển và sự cần thiết khách quan của kế toán, kiểm toán trong nền kinh tế thị trường.

+ Có kiến thức toàn diện về kế toán, kiểm toán nói chung và kiến thức kế toán, kiểm toán chuyên sâu ở từng lĩnh vực đặc thù (lĩnh vực kinh doanh, lĩnh vực công..) xét trên cả góc độ lý luận và thực tiễn.

+ Hiểu rõ được sự cần thiết khách quan và có khả năng vận dụng những qui định, những chuẩn mực về kế toán, kiểm toán áp dụng trong phạm vi của mỗi quốc gia, trong mỗi giai đoạn lịch sử, trong khu vực và thế giới; Có kiến thức lý luận cơ bản và kĩ năng để tự cập nhật, tự bồi dưỡng những thay đổi của chính sách, chế độ, chuẩn mực kế toán, kiểm toán.

+ Nắm được những kiến thức lý luận và thực tiễn để vận dụng vào thực hiện, phân tích, xử lý những thông tin kế toán với những công việc mà mình thực hiện trong mọi lĩnh vực công, tư, ở phạm vi trong nước hay quốc tế.

+ Nắm vững kiến thức để có thể phân tích phát hiện, giải quyết; tư vấn, tham mưu những vấn đề phức tạp, chuyên sâu về kinh tế, tài chính, kế toán kiểm toán.

+ Có kỹ năng, tư duy phối hợp giải quyết công việc giữa các chuyên gia kế toán, kiểm toán với nhau, giữa các hoạt động kế toán, kiểm toán ở các lĩnh vực công và tư (lĩnh vực sản xuất kinh doanh) và với những chuyên gia kinh tế có liên quan khác.

+ Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tìm kiếm và lựa chọn kiến thức kế toán, kiểm toán, kinh tế, tài chính dùng vào những mục đích cụ thể; Có các kỹ năng ứng dụng kiến thức kế toán, kiểm toán vào hoạt động nghề nghiệp của mình.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

- Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về khoa học kế toán, tài chính, về khoa học xã hội. Đồng thời có kiến thức tổng hợp, chuyên sâu về kế toán công của mọi tổ chức, đơn vị thuộc khu vực kinh tế công và khu vực tư trong cũng như ngoài nước. Nắm vững và luôn tuân thủ quy tắc, đạo đức nghề nghiệp. Sử dụng thành thạo các các công cụ kế toán, tài chính để đáp ứng những yêu cầu nghề nghiệp đòi hỏi khả năng kế toán công chuyên sâu trong các hoạt động kinh tế - tài chính của đơn vị kế toán, cũng như cung cấp thông tin tư vấn về kế toán, tài chính cho chủ tài khoản và các bên có nhu cầu về thông tin kinh tế, tài chính, kế toán.

- Có kiến thức chuyên sâu về phân tích cơ bản, có khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn kế toán công tại các đơn vị kế toán.

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về nguyên lý kế toán, tài chính tiền tệ, kế toán chuyên ngành, thuế, tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, tài chính công và các kiến thức bổ trợ về kinh tế phục vụ cho công tác chuyên môn về chuyên ngành kế toán công.

- Nắm vững phương pháp kế toán, tài chính cũng như phân tích các nhân tố tác động đến tình hình tài chính, kế toán của các đơn vị, tổ chức nhằm phục vụ việc ra quyết định của các chủ thể quản lý.

- Nắm vững và vận dụng tốt các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, kế toán, tài chính đối với các đơn vị, tổ chức, nắm chắc chuẩn mực kế toán, cơ chế giám sát tài chính tại đơn vị kế toán ở cả khu vực công cũng như khu vực tư. Có khả năng tự cập nhật các kiến thức liên quan đến chế độ, chính sách trong lĩnh vực kế toán, tài chính.

- Có kiến thức toàn diện, nắm chắc quy trình kế toán các nghiệp vụ kinh tế - tài chính trong các đơn vị kế toán công như:

+ Đơn vị kế toán có sử dụng kinh phí và không sử dụng kinh phí Ngân sách nhà nước: Kế toán vốn bằng tiền, kế toán vật tư, kế toán tài sản, kế toán nguồn kinh phí, vốn quỹ, kế toán các khoản thu, kế toán các khoản chi,

+ Đơn vị kế toán Nghiệp vụ, cụ thể:

+ Kế toán Ngân sách và nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước: Kế toán Ngân sách nhà nước và kế toán hoạt động nghiệp vụ Kho bạc.

+ Kế toán Nghiệp vụ thu Ngân sách nhà nước: Kế toán tiền, kế toán thanh toán, kế toán thu Ngân sách nhà nước, kế toán miễn, giảm, xoá nợ, hoàn thuế… tại cơ quan Thuế và cơ quan Hải quan.

+ Kế toán Bảo hiểm xã hội: kế toán các quỹ bảo hiểm bao gồm quỹ Bảo hiểm xã hội, quỹ Bảo hiểm y tế, quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

+ Kế toán ngân sách và tài chính xã: kế toán thu, chi ngân sách và các hoạt động tài chính xã.

+ Kế toán dự trữ Nhà nước: kế toán quỹ dự trữ Nhà nước, kế toán hàng dự trữ, kế toán thu chi dự trữ.

- Có kiến thức và trình độ tổ chức thông tin kế toán quản trị công để tư vấn, tham mưu cho các nhà quản trị của các đơn vị trong ngắn hạn và dài hạn.

- Nắm vững và xác định rõ vị trí công việc trong bộ máy kế toán; có kiến thức và trình độ để thực hiện các công việc kế toán được phân công theo từng phần hành kế toán cụ thể và kế toán tổng hợp; có kiến thức và trình độ tổ chức thực hiện công việc kế toán một cách chủ động và phối hợp hiệu quả trong bộ máy kế toán nói riêng, trong hệ thống quản lý tài chính công nói chung.

- Có kiến thức và trình độ tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi của chuẩn mực, chế độ kế toán và cơ chế quản lý tài chính để phục vụ cho công việc chuyên môn; có kiến thức và trình độ sử dụng một cách thành thạo các phương tiện kỹ thuật, phần mềm chuyên dùng phục vụ cho công tác kế toán.

- Ngoài ra, với thiết kế của chương trình đào tạo, sinh viên còn được trang bị kiến thức cơ bản trong lĩnh vực tài chính công, lĩnh vực tài chính doanh nghiệp và lĩnh vực kế toán doanh nghiệp.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành*

- Biết tổ chức công tác kế toán và tổ chức bộ máy kế toán trong đơn vị.

- Biết lập Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán Ngân sách.

- Biết đọc và phân tích báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán Ngân sách

- Có khả năng kiểm tra công tác tài chính kế toán trong đơn vị.

- Có khả năng phát hiện và xử lý những sai sót trong quá trình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tài chính kế toán trong đơn vị.

- Biết lập dự toán thu chi và kế hoạch tài chính.

- Có khả năng vận dụng cơ chế quản lý tài chính công trong thực tiễn hoạt động của đơn vị như: xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản, kiểm soát chi…

- Biết phân tích tình hình tài chính của đơn vị, phát hiện và đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính đơn vị.

**4. Yêu cầu về kỹ năng**

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

- Có kỹ năng cơ bản và thuần thục các kỹ năng nghề nghiệp của chuyên ngành như kỹ năng tổ chức công tác kế toán, kỹ năng kiểm tra tài chính kế toán, kỹ năng đọc, phân tích Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán Ngân sách, thuyết minh Báo cáo tài chính và Báo cáo quyết toán Ngân sách.

- Có tư duy logic, có kỹ năng trình bày, phản biện các vấn đề nghiệp vụ chuyên ngành kế toán công và quản lý tài chính công.

- Có kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm, thuyết trình trong hoạt động chuyên môn.

- Có khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ tài chính kế toán công.

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ:*

- Ngoại ngữ: Sử dụng thuần thục Tiếng Anh cả 4 kỹ năng: đọc, nghe, nói, viết, giao tiếp tiếng Anh, đọc dịch các tài liệu chuyên ngành.

- Tin học: Có khả năng ứng dụng và sử dụng thành thạo phần mềm chuyên dùng phục vụ cho công tác quản lý tài chính kế toán.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận công việc chuyên môn tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp như Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Sở Tài chính, Cục và các Chi cục thuế, Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm xã hội, Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban chứng khoán, các Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Chính sách tài chính… tại các Bộ, Ban, Ngành…

Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận công việc chuyên môn tại các công ty, các doanh nghiệp, các ban Tài chính tại các tập đoàn kinh tế, tổng công ty thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế.

Sinh viên tốt nghiệp có thêm các chứng chỉ hành nghề để trở thành chuyên gia, hoặc hoạt động độc lập trong cung cấp dịch vụ kế toán, thuế, tài chính tại Việt Nam, ASEAN và trên toàn thế giới; trở thành thành viên của các tổ chức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán của Việt Nam và các hiệp hội nghề nghiệp uy tín trên thế giới.

Sinh viên tốt nghiệp có thể làm giảng viên, nghiên cứu viên chuyên môn về kế toán tại các Học viện, các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu về lĩnh vực tài chính, kế toán và kinh tế; có triển vọng phát triển để theo học các chương trình đào tạo.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu và đào tạo sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới, tự hoàn thiện bản thân, nâng cao trình độ chuyên môn, hiểu biết xã hội, trình độ và bản lĩnh chính trị.

- Có đủ điều kiện để tham gia các kỳ thi lấy chứng chỉ hành nghề chuyên nghiệp về Kế toán công, kế toán ACCA,CPA…, kiểm toán chuyên nghiệp ở Việt Nam cũng như quốc tế.

**7. Triển vọng nghề nghiệp**

Sau tốt nghiệp, có bằng cử nhân kinh tế, ngành kế toán sẽ trở thành các nhà kế toán, tài chính, kinh tế hàng đầu trong cả hai lĩnh vực công và tư.

Có thể làm việc tại một tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc có thể hoạt động độc lập với tư cách là kế toán viên, kiểm toán viên, đại lý kê khai thuế… với kiến thức được đào tạo, sinh viên hoàn toàn có thể khởi nghiệp và thành công trong tương lai không xa.

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán công có cơ hội trở thành kế toán viên chính, kế toán viên cao cấp, kế toán trưởng, chuyên gia, chuyên gia cao cấp; có khả năng đảm nhận vai trò: Trưởng phòng tài chính - kế toán, Chủ tài khoản…

Sinh viên sau tốt nghiệp với những nỗ lực và khẳng định được vị trí, áp dụng được kiến thức và có uy tín có thể trở thành trợ lý cho các chủ tài khoản cũng như giữ vai trò chủ tài khoản ở chính quyền Trung ương và địa phương, có thể phát triển thành các CEO, giám đốc doanh nghiệp, hay nhà chính trị gia, trở thành nguồn lực chất lượng cao cho xã hội với các vị trí chủ chốt của nền kinh tế.

**XIV. CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Mã 31)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt*: Quản trị doanh nghiệp

*Tiếng Anh*: Corporate Governance

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

Có kiến thức toàn diện về ngành Quản trị kinh doanh. Cụ thể:

- Hiểu biết và vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở của khối ngành và cơ sở ngành làm nền tảng nghiên cứu chuyên sâu và giải quyết những vấn đề thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo cũng như các vấn đề kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Có kiến thức toàn diện về quản trị, quản trị kinh doanh và vận dụng thực hiện tốt các chức năng như hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm tra trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức nói chung cũng như trong các doanh nghiệp.

- Hiểu biết về môi trường kinh doanh và xu hướng kinh doanh của thế giới.

- Hiểu biết và vận dụng các phương pháp và kỹ thuật hiện đại để thực hiện các hoạt động quản trị trong tổ chức mang lại hiệu quả cao.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

- Có kiến thức toàn diện về ngành quản trị kinh doanh và vận dụng được vào công việc chuyên môn.

- Có kiến thức chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp, như các kiến thức về quản trị chiến lược, quản trị nguồn nhân lực, quản trị chất lượng, quản trị sản xuất và tác nghiệp, quản trị marketing.

- Nắm được các kiến thức cơ bản về kế toán, thuế, tài chính doanh nghiệp; các kiến thức bổ trợ về kinh tế, pháp luật để phục vụ cho công tác chuyên môn.

- Có kiến thức và trình độ tổ chức thông tin quản trị để tư vấn, tham mưu cho các nhà quản trị doanh nghiệp trong các lĩnh vực chuyên môn có liên quan.

- Có kiến thức và trình độ tự cập nhật những kiến thức mới và những thay đổi của môi trường kinh doanh để phục vụ cho công việc chuyên môn; có kiến thức và trình độ sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, phần mềm chuyên dùng phục vụ cho công tác chuyên môn.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành*

- Phân tích, đánh giá những tác động của môi trường kinh doanh; tham gia xây dựng, triển khai thực hiện, đánh giá chiến lược và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.

- Các công việc trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp như: Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch nguồn nhân lực, tuyển dụng, đánh giá kết quả thực hiện công việc; xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách về thù lao, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Có khả năng tư vấn, tham mưu các chính sách về quản lý con người trong doanh nghiệp.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch cung ứng, sản xuất, tiêu thụ, quản lý chất lượng sản phẩm.

- Có thể đảm nhận công việc của một nhân viên kế toán, tài chính và một số vị trí công việc khác.

- Biết tổ chức công tác phân tích và dự báo kinh tế xã hội tại các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức phi chính phủ.

- Có đủ kiến thức để đảm nhận vị trí là giảng viên, nghiên cứu viên tại các Học viện, các trường Đại học, Cao đẳng; các Viện nghiên cứu…

**4. Yêu cầu về kỹ năng**

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

- Có khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ liên quan.

- Có tư duy logic, có kỹ năng trình bày, phản biện các vấn đề nghiệp vụ chuyên ngành.

- Có kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn.

- Có kỹ năng cơ bản và thuần thục các kỹ năng nghề nghiệp của chuyên ngành được đào tạo. Cụ thể: Khả năng dự đoán, phân tích, đánh giá và đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp; kỹ năng hoạch định, tổ chức, thực hiện, kiểm tra các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh; kỹ năng giao tiếp, đàm phán, thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản trị con người và vận hành doanh nghiệp; kỹ năng thực hiện công việc tác nghiệp liên quan đến sản xuất, nhân sự, chất lượng, marketing.

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ*

- Ngoại ngữ: Thành thạo ngoại ngữ cơ bản và chuyên ngành để sử dụng (đọc, nghe, nói, viết) trong công việc chuyên môn và giao dịch đơn giản, là nền tảng để sau khi ra trường tiếp tục bổ túc ngoại ngữ nâng cao trình độ.

- Tin học: Sử dụng thành thạo tin học văn phòng và biết cách sử dụng một số phần mềm ứng dụng để giải quyết các công việc chuyên môn về quản trị kinh doanh.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

- Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận ngay công việc chuyên môn trong các lĩnh vực như quản trị sản xuất, xây dựng chính sách và kế hoạch kinh doanh, quản trị nhân lực, quản trị marketing, quản trị chất lượng; có thể đảm nhận công việc của nhân viên kế toán, tài chính và các công việc thuộc các lĩnh vực quản trị khác trong doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế.

- Sinh viên tốt nghiệp có thể làm công việc tư vấn về kinh doanh; tự khởi sự kinh doanh, tạo lập và điều hành doanh nghiệp của bản thân và gia đình.

- Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc được ở các bộ phận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh trong các cơ quan quản lý Nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

- Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, cơ quan nghiên cứu khoa học.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học tập, cập nhật kiến thức mới phục vụ công việc chuyên môn.

**7. Triển vọng nghề nghiệp**

- Có cơ hội trở thành nhà quản trị các cấp, chuyên gia tư vấn, cán bộ giảng dạy, nhà khoa học; có khả năng đảm nhận vai trò: Quản đốc phân xưởng, Trưởng phòng, Giám đốc bộ phận, Tổng giám đốc điều hành tại các doanh nghiệp ở mọi lĩnh vực thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Có triển vọng trở thành nhà bình luận, phê bình, chuyên gia phân tích môi trường kinh doanh và chiến lược doanh nghiệp của các đơn vị, cơ quan truyền thông, hiệp hội nghề nghiệp.

**XV. CHUYÊN NGÀNH: MARKETING (Mã 32)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt*: Marketing

*Tiếng Anh*: Marketing

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành:*

Có kiến thức toàn diện về ngành Quản trị kinh doanh. Cụ thể:

- Hiểu biết và vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở của khối ngành và cơ sở ngành làm nền tảng nghiên cứu chuyên sâu và giải quyết những vấn đề thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo cũng như các vấn đề kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Có kiến thức toàn diện về quản trị, quản trị kinh doanh và vận dụng thực hiện tốt các chức năng như hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm tra trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức nói chung cũng như trong các doanh nghiệp.

- Hiểu biết về môi trường kinh doanh và xu hướng kinh doanh của thế giới.

- Hiểu biết và vận dụng các phương pháp và kỹ thuật hiện đại để thực hiện các hoạt động quản trị trong tổ chức mang lại hiệu quả cao.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành:*

- Có nền tảng kiến thức cơ bản và toàn diện về marketing, nắm vững nội dung, các mối quan hệ tác động, phối hợp của các hoạt động marketing trong doanh nghiệp.

- Nắm vững kiến thức quản trị marketing trong doanh nghiệp như phân tích cơ hội kinh doanh; xác định quan điểm quản trị marketing doanh nghiệp; có khả năng phân đoạn thị trường; đánh giá các đoạn thị trường để lựa chọn thị trường mục tiêu; hiểu biết về định vị sản phẩm, doanh nghiệp; biết cách thức hoạch định chiến lược marketing; hoàn thiện nội dung của một bản chiến lược marketing; tổ chức thực hiện chiến lược marketing hỗn hợp (marketing – mix); kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình thực hiện chiến lược marketing.

- Có kiến thức tổng thể, khả năng vận dụng nghiên cứu marketing, cụ thể: nhận diện và hiểu được sự tác động của các các yếu tố của môi trường marketing đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; có kiến thức cơ bản về các phương pháp, công cụ thu thập về phân tích dữ liệu đáp ứng nhu cầu thông tin cho nhà quản trị; kiến thức về lập, phê chuẩn, tổ chức thực hiện dự án nghiên cứu marketing.

- Có nền tảng kiến thức tổng thể về Marketing – mix.

+ Kiến thức về các hoạt động của chính sách sản phẩm: tạo ra khả năng thỏa mãn nhu cầu sản phẩm; các quyết định về chủng loại sản phẩm; đổi mới sản phẩm; thiết kế nhãn hiệu, phát triển thương hiệu; dịch vụ sản phẩm…

+ Kiến thức về các hoạt động của chính sách giá: có kiến thức về giá cả, các nhân tố ảnh hưởng đến giá sản phẩm; quy trình định giá; phương pháp, cách thức định giá; phân hóa giá trong kinh doanh...

+ Kiến thức về các hoạt động của chính sách phân phối: các trung gian phân phối, cách thức tổ chức hệ thống phân phối của doanh nghiệp, triển khai hoạt động quản trị kênh phân phối…

+ Kiến thức về các hoạt động của chính sách xúc tiến hỗn hợp: hiểu biết về quảng cáo; xây dựng, thực hiện chương trình quảng cáo cho doanh nghiệp; hiểu biết về hoạt động quan hệ công chúng (PR); xây dựng, thực hiện các chiến lược PR cho doanh nghiệp; hiểu biết về khuyến mại, khuyến mãi; xây dựng, thực hiện các chương trình xúc tiến bán của doanh nghiệp; có kiến thức cơ bản và tổ chức thực hiện về bán hàng cá nhân và marketing trực tiếp…

- Có kiến thức về các công cụ hiện đại phục vụ hoạt động thị trường, marketing; marketing kỹ thuật số (Digital Marketing); các phần mềm, ứng dụng (app) quản trị marketing, quản trị doanh nghiệp, phân tích dữ liệu; công nghệ quản trị tiên tiến…

- Có kiến thức về tổ chức bộ phận marketing trong doanh nghiệp, xây dựng quy trình kinh doanh của doanh nghiệp.

- Nắm vững các quy định của Nhà nước về kinh doanh, các công cụ marketing của doanh nghiệp. Có khả năng cập nhật cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, marketing của doanh nghiệp.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành:*

- Hoạch định và tổ chức thực hiện chiến lược marketing, chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.

- Lập, phê chuẩn và tổ chức thực hiện các dự án nghiên cứu thị trường, môi trường marketing của doanh nghiệp cũng như đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động các tổ chức nói chung; cung cấp dữ liệu phục vụ nhà quản trị, quản lý. Tổ chức lực lượng điều tra; lựa chọn phương pháp, thiết kế bảng câu hỏi thu thập thông tin; sử dụng các thang đo lường, các công cụ đánh giá để phân tích dữ liệu; lập báo cáo kết quả nghiên cứu; xây dựng cơ sở dữ liệu marketing.

- Phát triển ý tưởng sản phẩm xuất phát từ nhu cầu khách hàng, phát triển thương hiệu… quản trị chiến lược sản phẩm của doanh nghiệp.

- Thực hiện định giá sản phẩm phù hợp với nhu cầu khách hàng, quản trị chiến lược giá của doanh nghiệp.

- Lựa chọn các trung gian phân phối, thiết kế mạng lưới kênh phân phối, tổ chức quản trị kênh phân phối.

- Thiết lập và sử dụng các công cụ xúc tiến hỗn hợp. Thiết kế và thực hiện chương trình quảng cáo, đo lường tính hiệu quả của quảng cáo. Xác định được công chúng mục tiêu, quản trị chiến lược PR của doanh nghiệp. Xác định mục tiêu, thực hiện các chương trình xúc tiến bán thúc đẩy tiêu thụ… Sáng tạo thông điệp phù hợp với khách hàng mục tiêu, quản trị chiến lược xúc tiến hỗn hợp thực hiện truyền thông marketing.

- Tổ chức bộ máy marketing, kinh doanh của doanh nghiệp; thiết kế mô hình kinh doanh, tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**4. Yêu cầu về kỹ năng:**

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp:*

- Có tư duy logic, có khả năng tổng hợp, phân tích, đánh giá, phản biện, trình bày các vấn đề liên quan đến hoạt động marketing, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Có khả năng nhận diện sự ảnh hưởng của các yếu tố trong môi trường marketing ảnh hưởng đến hoạt động marketing, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Có kỹ năng hoạch định và tổ chức thực hiện chiến lược marketing chung và các chiến lược bộ phận, cụ thể: Chiến lược sản phẩm, Chiến lược giá cả, Chiến lược phân phối, Chiến lược xúc tiến hỗn hợp…

- Có khả năng quản trị các các hoạt động marketing: quản trị kênh phân phối, quản trị bán hàng, quản trị thương hiệu, quản trị quảng cáo, quản trị truyền thông…

- Có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên môn để thiết lập và triển khai các công cụ marketing, cụ thể: Khả năng sử dụng công cụ số trong hoạt động marketing (Digital Marketing); khả năng viết Content; kỹ năng sử dụng các công cụ đánh giá, phân tích; kỹ năng viết báo cáo…

- Có kỹ năng mềm phục vụ quản trị marketing như: Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng quản lý thời gian…

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ*

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sử dụng tiếng Anh giao tiếp thành thạo, có khả năng khai thác và sử dụng các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.

- Kỹ năng tin học: Sử dụng thành thạo tin học cơ bản và các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn.

- Kỹ năng sử dụng các công cụ kỹ thuật số để thực hiện có hiệu quả các phần hành công việc khác nhau trong Marketing (Digital Marketing).

- Kỹ năng sử dụng các mô hình kinh tế lượng, các phần mềm để phân tích và xử lý dữ liệu như phần mềm SPSS, STATA, SAS…

- Kỹ năng phân tích kinh tế đặc biệt là kỹ năng phân tích dựa trên các mô hình phân tích cơ bản như SWOT, Mô hình phân tích PEST…

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**:

Những vị trí công việc mà sinh viên Marketing có thể đảm nhận được sau khi ra trường bao gồm:

- Có thể làm nhân viên marketing/kinh doanh, trưởng phòng marketing/kinh doanh, giám đốc marketing/kinh doanh (CMO/CCO), giám đốc điều hành (CEO) của doanh nghiệp; chuyên gia marketing của công ty cung cấp dịch vụ marketing (Agency).

- Có thể làm các công việc chuyên môn marketing/kinh doanh tại các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thương mại, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ (ngân hàng, tổ chức tín dụng, chứng khoán, bảo hiểm, du lịch, y tế...).

- Có thể làm việc tại các bộ phận quản lý kinh doanh, thị trường; xúc tiến thương mại; truyền thông tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

- Có thể trở thành giảng viên giảng dạy các môn học về marketing, kinh doanh, thị trường, quản lý, quản trị tại các cơ sở đào tạo; làm nghiên cứu viên tại các đơn vị nghiên cứu khoa học về lĩnh vực marketing, kinh doanh, kinh tế.

- Tự kinh doanh, khởi nghiệp.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**:

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn trong và ngoài nước.

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới nâng cao trình độ phục vụ công tác chuyên môn.

**7. Triển vọng nghề nghiệp**:

- Có triển vọng trở thành Trưởng phòng Marketing/Kinh doanh, Giám đốc Marketing/Kinh doanh, Giám đốc điều hành, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty và các doanh nghiệp.

- Có thể làm nhà quản lý các lĩnh vực chuyên môn marketing, kinh doanh, truyền thông, xúc tiến thương mại, thị trường, kinh tế tại các cấp cơ quan quản lý nhà nước.

- Có triển vọng trở thành giảng viên cấp cao, nhà nghiên cứu cấp cao tại các đơn vị đào tạo, các đơn vị nghiên cứu khoa học.

- Có thể trở thành chuyên gia marketing nghiên cứu, tư vấn, triển khai hoạt động chuyên môn marketing, kinh doanh.

- Có khả năng làm việc cho các tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam và các tổ chức kinh doanh quốc tế.

- Có khả năng khởi nghiệp, tự tổ chức hoạt động kinh doanh.

**XVI. CHUYÊN NGÀNH: TIN HỌC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt*: Tin học Tài chính Kế toán

*Tiếng Anh*: Information Technology in Accounting and Finance

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

Có kiến thức toàn diện về ngành Hệ thống thông tin quản lý. Cụ thể:

- Có kiến thức về nền kinh tế, quản lý và kinh doanh bao gồm: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô, Kinh tế học phát triển, Kinh tế học môi trường, Kinh tế thương mại, Xã hội học, Nguyên lý quản trị học, Nguyên lý kế toán, Nguyên lý Tài chính - Tiền tệ, Nguyên lý thống kê kinh tế, Quản trị chất lượng, Quản trị công nghệ.

- Có kiến thức về công nghệ thông tin cần cho ngành Hệ thống thông tin quản lý: Lý thuyết về hệ thống thông tin quản lý, Kiến trúc máy tính và hệ điều hành, Toán rời rạc, Cơ sở lập trình, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật, Mạng máy tính và truyền thông.

- Hiểu biết các quy luật kinh tế - tài chính phát sinh trong hoạt động của các chủ thể nền kinh tế.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về Hệ thống thông tin quản lý;

- Nắm vững một cách có hệ thống và toàn diện các kiến thức để phát triển hệ thống thông tin quản lí: Phân tích, thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin quản lý;

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp, kế toán, tài chính doanh nghiệp;

- Có kiến thức và khả năng tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi liên quan đến Công nghệ thông tin và Tài chính, Kế toán: Những thay đổi về công nghệ và trong quản lí nhà nước và các văn bản luật pháp liên quan… để phục vụ cho công việc;

- Sử dụng được thành thạo phương pháp Toán kinh tế và các mô hình kinh tế lượng, các phần mềm hỗ trợ xử lí dữ liệu và các phần mềm ứng dụng phục vụ cho các hoạt động hỗ trợ ra quyết định của hệ thống thông tin quản lý.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành Tin học TCKT*

- Có khả năng đảm nhận các công việc: Lập và triển khai dự án phát triển công nghệ thông tin trong đơn vị; Nghiên cứu để thiết kế và triển khai hệ thống thông tin quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhà quản trị doanh nghiệp.

- Có khả năng đảm nhận công việc của nhân viên Tài chính - kế toán, có khả năng tin học hóa công tác kế toán, quản trị mạng máy tính tại các đơn vị thuộc các tổ chức khác nhau, như: Các đơn vị công quyền, các cơ quan quản lí nhà nước về chức năng, các doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ.

- Có khả năng đảm nhận việc hỗ trợ ra quyết định cho lãnh đạo trong việc cung cấp các thông tin cần thiết cho nhà quản lí để ra quyết định quản lí, điều hành, hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.

- Có khả năng đảm nhận công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, cơ quan nghiên cứu và các tổ chức kinh tế - xã hội khác.

**4. Yêu cầu về kỹ năng:**

*4.1. Kĩ năng nhận thức (kĩ năng nghề nghiệp)*

Sinh viên tốt nghiệp ngành Hệ thống thông tin quản lí, chuyên ngành Tin học tài chính kế toán cần có các kĩ năng cơ bản sau:

- Có kĩ năng nghề nghiệp và kiến thức chuyên sâu về thiết kế, vận hành và quản trị các hệ thống thông tin quản lý;

- Có năng lực tổng hợp thông tin phục vụ lãnh đạo;

- Có kỹ năng xây dựng và quản lí một dự án về công nghệ phần mềm;

- Có kĩ năng phân tích dữ liệu, khai phá dữ liệu, thống kê dự báo trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, quản lí kết hợp với công cụ tin học nhằm mục tiêu hỗ trợ ra quyết định trong quản lí doanh nghiệp, ngân hàng.

- Có kĩ năng thu thập, lưu trữ và xử lí và cung cấp thông tin kế toán, kiểm toán viên hay thuế vụ;

- Có kĩ năng tổ chức, làm việc độc lập và kĩ năng làm việc nhóm trong thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin quản lý;

- Có kĩ năng nhận diện, phân tích và giải quyết các vấn đề trong quá trình vận hành hệ thống thông tin quản lý như: phân tích, nhận diện được xu hướng phát triển của công nghệ, ảnh hưởng của môi trường vĩ mô đến hoạt động của doanh nghiệp, những thay đổi ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp và tổ chức;

- Có tư duy logic, có kĩ năng trình bày, thuyết trình, phản biện các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ của chuyên ngành;

- Có các kĩ năng cơ bản và thuần thục các kĩ năng nghề nghiệp được đào tạo như: Kĩ năng thu thập và sàng lọc thông tin; kĩ năng phân tích và thiết kế hệ thống thông tin; kĩ năng xây dựng phần mềm quản lí...

- Rèn luyện được các kĩ năng mềm cơ bản như: Kĩ năng tự đọc, kĩ năng phát hiện và xử lí lỗi, kĩ năng phán đoán vấn đề, kĩ năng thuyết trình, kĩ năng giao tiếp, kĩ năng đàm phán...

*4.2. Kĩ năng sử dụng các công cụ*

- Về Ngoại ngữ: Có khả năng sử dụng Tiếng Anh giao tiếp thành thạo, biết đọc và viết được các tài liệu chuyên môn bằng Tiếng Anh.

- Về Tin học: Có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ tin học để xây dựng phần mềm quản lí; Biết cách sử dụng một số phần mềm ứng dụng để giải quyết các bài toán kinh tế, xác suất - thống kê và kinh tế lượng.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

- Chuyên viên ở bộ phận tài chính - kế toán của các tổ chức kinh tế - chính trị - xã hội (các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các cơ quan công quyền, các tổ chức khác) trong cương vị người làm nghiệp vụ nhưng có khả năng tham gia có hiệu quả vào việc phát triển phần mềm cho các hệ thống thông tin quản lí đó từ cấp trung ương tới cơ sở.

- Nhân viên thuộc Bộ phận hỗ trợ ra quyết định trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và ngân hàng.

- Nhân viên thuộc Bộ phận công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị từ cấp Trung ương xuống đến cấp cơ sở.

- Nhân viên tại các công ty phần mềm trong mọi vị trí: Phân tích, thiết kế, lập trình, kiểm thử, triển khai phần mềm.

- Giảng viên, nghiên cứu viên tại các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, các tổ chức kinh tế và các cơ quan quản lí nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:**

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học tập, cập nhật kiến thức mới phục vụ công việc chuyên môn.

**7. Triển vọng nghề nghiệp:**

- Có triển vọng trở thành chuyên gia trong lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý, giúp doanh nghiệp nhận ra lợi ích tối đa từ việc đầu tư vào con người, thiết bị và quy trình nghiệp vụ; Chuyên gia phân tích dữ liệu, kết nối giữa các bộ phận nghiệp vụ trong doanh nghiệp và các chuyên gia công nghệ thông tin, lãnh đạo, quản lí dự án, dịch vụ khách hàng, giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và có lợi thế cạnh tranh hơn.

- Có khả năng là các chủ doanh nghiệp cung cấp các phần mềm quản lí, như: phần mềm kế toán, phần mềm quản lí nhân sự, phần mềm quản lí vật tư - hàng hóa, phần mềm bán hàng và cung cấp dịch vụ... cho các loại hình đơn vị khác nhau.

- Có triển vọng đảm nhận vị trí lãnh đạo trong doanh nghiệp, các cơ quan quản lí nhà nước các cấp;

- Có khả năng trở thành giảng viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp tại các cơ sở đào tạo, cơ quan nghiên cứu.

**XVII. CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (Mã 51)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt*: Tiếng Anh Tài chính kế toán

*Tiếng Anh*: English for Finance and Accounting

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

Có kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về ngành Ngôn ngữ Anh, cụ thể:

- Có nền tảng kiến thức cơ bản và nâng cao về tiếng Anh, vững chắc về ngôn ngữ học cũng như các kiến thức về văn hóa, văn học Anh - Mỹ.

- Có kiến thức cơ bản về kinh tế học và dẫn luận ngôn ngữ làm nền tảng tiếp thu kiến thức tiếng Anh chuyên ngành.

- Có kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế - xã hội và pháp luật trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Có kiến thức và trình độ sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, phần mềm chuyên dùng phục vụ cho công tác chuyên môn.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

- Có kiến thức tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành tốt để thực hiện các công việc giao tiếp, biên dịch, phiên dịch trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh và lĩnh vực Tài chính.

- Có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững chắc để thích ứng tốt với những công việc khác nhau trong lĩnh vực Tài chính, như: Kế toán tài chính, Tài chính doanh nghiệp, Quản lý tài chính công, Marketing, Kiểm toán, Tài chính tiền tệ.

- Có khả năng áp dụng kiến thức chuyên môn trong việc mô tả, tính toán, quản trị và đề xuất các giải pháp hiệu quả trong lĩnh vực Tài chính.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành*

- Sử dụng thành thạo các kỹ năng chuyên ngành tiếng Anh, có năng lực ngôn ngữ để đáp ứng được các yêu cầu đòi hỏi của công việc nghiên cứu khoa học, dịch thuật và giảng dạy trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh nói chung và chuyên ngành Tiếng Anh Tài chính - Kế toán nói riêng.

- Thực hiện được công việc theo nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực có trình độ đại học thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Anh đồng thời thuộc các lĩnh vực Kinh tế, Tài chính, Kế toán, Ngân hàng.

- Có khả năng tổ chức và làm việc theo nhóm, đồng thời có năng lực thuyết trình, phân tích và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngôn ngữ và lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán.

**4. Yêu cầu về kỹ năng**

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

- Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp, biên dịch, phiên dịch về lĩnh vực Tài chính.

- Có khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành được đào tạo thuộc ngôn ngữ Anh và ngôn ngữ trong lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng.

- Có tư duy logic, có kỹ năng trình bày, phản biện và thuyết trình các vấn đề nghiệp vụ chuyên ngành.

- Có kỹ năng tổ chức và làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn.

- Có kỹ năng cơ bản và thuần thục các kỹ năng nghề nghiệp của chuyên ngành được đào tạo. Cụ thể: Kỹ năng đứng lớp, kỹ năng biên phiên dịch, kỹ năng thiết kế và thực hiện nghiên cứu.

- Có ý thức tự giác, tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp.

- Có trình độ tiếng Anh đạt chuẩn C1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT và tương đương.

- Có kỹ năng xã hội cần thiết để làm việc theo nhóm đa ngành và trong môi trường quốc tế.

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ*

- Về Ngoại ngữ: Sử dụng thuần thục Tiếng Anh trong công việc chuyên môn ở trình độ đại học. Có khả năng khai thác và sử dụng các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.

- Về Tin học: Sử dụng thành thạo tin học cơ bản và các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Tiếng Anh Tài chính kế toán sẽ làm ở những mảng/ bộ phận như sau:

- Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận ngay công việc chuyên môn như: giảng viên tiếng Anh, biên phiên dịch viên, nhân viên quản lý dự án; đồng thời có thể làm các công việc thuộc lĩnh vực kinh tế - tài chính như kế toán viên, nhân viên tài chính, kiểm soát viên tại các doanh nghiệp, các tập đoàn, tổng công ty thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế.

- Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc chuyên môn tại các công ty kiểm toán độc lập; các tổ chức tài chính – tín dụng; các cơ quan quản lý nhà nước như: các đơn vị hành chính, sự nghiệp Trung ương đến địa phương.

- Sinh viên tốt nghiệp có thể làm giáo viên, giảng viên, nghiên cứu viên, biên phiên dịch viên tại các học viện, các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu về lĩnh vực tài chính, kế toán và kinh tế.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu và đào tạo sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới, tự hoàn thiện bản thân, nâng cao trình độ chuyên môn, hiểu biết xã hội, trình độ và bản lĩnh chính trị.

**7. Triển vọng nghề nghiệp**

Có triển vọng trở thành Phiên dịch hội nghị; giảng viên chính tại các cơ sở đào tạo chuyên ngữ; Trưởng bộ phận đối ngoại tại các tổ chức.

Có triển vọng trở thành kế toán viên chính, chuyên gia, chuyên gia cao cấp; khả năng đảm nhận vài trò quản trị tại các doanh nghiệp, công ty trong và ngoài nước.

Có cơ hội để phát triển trở thành các chuyên gia cung cấp dịch vụ dịch thuật, các dịch vụ kế toán kiểm toán và có khả năng hành nghề tại Việt Nam, các nước ASEAN và trên toàn thế giới; trở thành thành viên của các tổ chức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán của Việt Nam và các hiệp hội nghề nghiệp uy tín trên thế giới

**XVIII. CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH (Mã 61)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt*: Kinh tế và Quản lý nguồn lực tài chính

*Tiếng Anh*: Financial Resources Management & Economics

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

- Nắm vững kiến thức về kinh tế học, kinh tế phát triển, kinh tế công cộng, kinh tế ngành; các nguyên lý tài chính tiền tệ, kế toán, thống kê; nguyên lý hình thành giá cả, kiến thức chung về pháp luật kinh tế.

- Biết vận dụng lý luận và mô hình kinh tế lượng để giải quyết một số vấn đề kinh tế cụ thể.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

- Có kiến thức tổng hợp và toàn diện về nguồn lực tài chính trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân; về các mối quan hệ kinh tế phát sinh và sự tác động qua lại của nguồn lực tài chính giữa các khu vực trong nền kinh tế.

- Nắm chắc kiến thức về các nội dung huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính tại khu vực Nhà nước, khu vực tài chính và khu vực phi tài chính cũng như nguồn lực tài chính ở khu vực hộ gia đình và các đơn vị vô vị lợi; cách thức quản lý nguồn lực tài chính của từng khu vực.

- Có kiến thức và có khả năng phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực tại ba khu vực chủ chốt trong nền kinh tế. Từ đó lựa chọn các chính sách huy động và phân bổ các nguồn lực tài chính cũng như đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính của từng khu vực.

Có kiến thức về quản lý kinh tế của Nhà nước gắn liền với các chính sách kinh tế của Việt Nam hiện nay, có khả năng phân tích, đánh giá và có thể tham gia vào việc xây dựng các chính sách kinh tế tài chính cho các khu vực.

Nắm vững các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế tài chính nói chung cũng như có khả năng tự cập nhật các kiến thức liên quan đến chế độ, chính sách trong lĩnh vực kinh tế của cả các khu vực trong nền kinh tế.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành*

Biết phân tích, đánh giá tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính tại ba khu vực: khu vực Nhà nước, khu vực tài chính và khu vực phi tài chính;

Biết đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính ở các khu vực trong nền kinh tế;

Tham mưu cho các cấp quản lý trong việc lập kế hoạch tài chính và lập dự toán tài chính cho từng khu vực;

Có khả năng theo dõi, giám sát và quản lý các hoạt động liên quan tới nguồn lực tài chính tại ba khu vực.

**4. Yêu cầu về kỹ năng**

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

- Có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên môn để đánh giá và lựa chọn các phương án về huy động, phân bổ, sử dụng nguồn lực tài chính ở các khu vực; cũng như vận dụng các kiến thức chuyên môn trong việc quản lý nguồn lực tài chính tại các khu vực trong nền kinh tế.

- Có kỹ năng phân tích mối quan hệ giữa biến động của chính sách với việc huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính trong nền kinh tế.

- Có khả năng sử dụng một số công cụ lượng hóa để đánh giá tác động của các biến số kinh tế trong nền kinh tế.

- Có các kỹ năng nghề nghiệp như: kỹ năng đọc báo cáo tài chính, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp, của ngân hàng, của một số các đơn vị thuộc khu vực công; Kỹ năng đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường quản trị nguồn lực tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính của các khu vực; Kỹ năng hoạch định chính sách huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính.

- Kỹ năng mềm: có khả năng phối hợp làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm; có thể soạn thảo được các báo cáo công việc đúng chuẩn mực; có khả năng thuyết trình, thuyết phục, đàm phán và khả năng giao tiếp tốt.

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ*

- Về Ngoại ngữ: Sử dụng tiếng Anh giao tiếp thành thạo, có khả năng khai thác và sử dụng các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.

- Về Tin học: Sử dụng thành thạo tin học cơ bản và các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế và Quản lý nguồn lực tài chính của Học viện Tài chínhsau khi ra trường có thể làm việc tại các vị trí sau:

Sinh viên có thể làm các công việc chuyên môn tại các cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực kinh tế và tài chính; các vụ chức năng về kinh tế tài chính thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ; các phòng chức năng về kinh tế tài chính của các sở, ban, ngành ở các tỉnh, thành phố.

Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc chuyên môn tại các tổ chức tài chính tiền tệ, các đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh, các đơn vị sự nghiệp từ Trung ương đến địa phương.

Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc cho các dự án phát triển kinh tế, các tổ chức kinh tế xã hội trong và ngoài nước.

Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các đơn vị giảng dạy và nghiên cứu khoa học về lĩnh vực kinh tế tài chính nói chung và Nguồn lực Tài chính nói riêng.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu và đào tạo sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới, tự hoàn thiện bản thân, nâng cao trình độ chuyên môn, hiểu biết xã hội, trình độ và bản lĩnh chính trị.

**7. Triển vọng nghề nghiệp**

- Có khả năng trở thành các chuyên gia tư vấn, các chuyên gia cao cấp, kinh tế trưởng trong các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành Kinh tế tài chính và có thể đảm nhiệm được các vị trí lãnh đạo trong các phòng chuyên môn hoặc cán bộ lãnh đạo các đơn vị, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các doanh nghiệp, ngân hàng trong và ngoài nước.

- Có triển vọng đảm nhiệm được các vị trí lãnh đạo tại các Bộ, Ban, Ngành, các cơ quan, đơn vị giảng dạy và nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực kinh tế, tài chính.

**XIX. CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Mã 62)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt*: Kinh tế Đầu tư tài chính

*Tiếng Anh*: Economic Investment - Finance

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

- Nắm vững kiến thức về kinh tế học, kinh tế phát triển, kinh tế công cộng, kinh tế ngành; các nguyên lý tài chính tiền tệ, kế toán, thống kê; nguyên lý hình thành giá cả, kiến thức chung về pháp luật kinh tế.

- Biết vận dụng lý luận và mô hình kinh tế lượng để giải quyết một số vấn đề kinh tế cụ thể.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

- Nắm vững một cách khoa học và hệ thống cả về lý thuyết lẫn thực tiễn về kinh tế đầu tư, tài chính, quản lý dự án, lập và thẩm định dự án đầu tư; đủ năng lực để phân tích tình hình kinh tế xã hội, phân tích thị trường, phân tích các dự án để đầu tư thành công khoản tài chính vốn có của mình một cách có lợi nhất.

- Có khả năng phân tích và đánh giá được hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường của dự án đầu tư

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành*

- Lập và thẩm định các dự án đầu tư.

- Phân tích dự án đầu tư, như: Phân tích tính hiệu quả của dự án, phân tích các chỉ tiêu để lựa chọn phương án đầu tư có lợi nhất với điều kiện thực tế của đơn vị.

- Tư vấn, tham mưu cho các cấp quản lý trong lựa chọn dự án đầu tư; tham gia xây dựng chiến lược đầu tư kinh doanh tại các doanh nghiệp, tổng công ty, và các địa phương.

- Thực hiện quản lý các hoạt động đầu tư tại các vụ chức năng của cơ quản quản lý Nhà nước, Bộ, Ngành và các địa phương.

- Phân tích, nghiên cứu và dự báo xu hướng phát triển, xu hướng đầu tư.

- Trực tiếp thực hiện các hoạt động đầu tư.

**4. Yêu cầu về kỹ năng**

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

**-**  Có đủ năng lực và trình độ chuyên sâu trong lập và phân tích các dự án đầu tư, đưa ra quyết định lựa chọn phương án đầu tư, chiến lược đầu tư kinh doanh tại các doanh nghiệp, các tổng công ty, và các địa phương.

- Có năng lực trong lập, thẩm định và quản lý dự án đầu tư.

- Có khả năng dự báo, tư vấn về các nghiệp vụ đầu tư.

- Có đủ năng lực và giảng dạy, nghiên cứu khoa học về các vấn đề liên quan đến kinh tế đầu tư và quản lý dự án…

- Biết cách sử dụng các phương tiện và phần mềm hỗ trợ trong phân tích đầu tư và quản lý dự án đầu tư.

- Kỹ năng mềm: Có kỹ năng làm chủ bản thân; có khả năng phối hợp làm việc nhóm và lãnh đạo nhóm; có thể tổ chức, lãnh đạo, quản lý các hoạt động đầu tư; soạn thảo được các báo cáo công việc đúng chuẩn mực; có khả năng thuyết trình, thuyết phục, đàm phán và khả năng giao tiếp tốt.

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ*

- Về Ngoại ngữ: Sử dụng tiếng Anh giao tiếp thành thạo, có khả năng khai thác và sử dụng các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.

- Về tin học: Sử dụng thành thạo tin học cơ bản và các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế Đầu tư tài chính khi ra trường có thể đảm nhận các vị trí công việc tại phòng kế hoạch và đầu tư của các doanh nghiệp; các ban quản lý dự án của các tổng công ty và các Bộ, Ngành, địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các phòng ban liên quan tại các Bộ, Ngành, địa phương; các tổ chức tín dụng, cụ thể sau:

- Cán bộ lập, thẩm định, quản lý dự án tại các doanh nghiệp, các tổng công ty.

- Cán bộ thẩm định dự án đầu tư vay vốn tại các ngân hàng.

- Cán bộ quản lý kinh tế, tài chính tại các vụ chức năng của cơ quản quản lý Nhà nước, bộ ngành và các địa phương.

- Cán bộ nghiên cứu và dự báo tại các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu ở trung ương và địa phương, các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp.

- Nhà tư vấn, tham mưu trong phân tích kinh tế, tài chính và lựa chọn phương án, chiến lược đầu tư kinh doanh tại các doanh nghiệp, tổng công ty và các địa phương.

- Chủ doanh nghiệp tư nhân tiến hành đầu tư trực tiếp.

- Làm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học chuyên môn về kinh tế đầu tư tài chính tại các trường, cơ quan nghiên cứu khoa học.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu và đào tạo sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới, tự hoàn thiện bản thân, nâng cao trình độ chuyên môn, hiểu biết xã hội, trình độ và bản lĩnh chính trị.

**7. Triển vọng nghề nghiệp**

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế Đầu tư tài chính có cơ hội trở thành các nhà đầu tư, chủ doanh nghiệp hoặc các chuyên gia trong lĩnh vực đầu tư dự án.

- Có khả năng trở thành các nhà quản lý Kinh tế - Tài chính, các chuyên gia cao cấp trong các lĩnh vực chuyên ngành hoặc có thể trở thành cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp, các ngành, các doanh nghiệp...

**XX. CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ LUẬT (Mã 63)**

**1. Tên chuyên ngành đào tạo**

*Tiếng Việt*: Kinh tế - Luật

*Tiếng Anh*: Economic-Law

**2. Trình độ đào tạo: Đại học**

**3. Yêu cầu về kiến thức**

*3.1. Kiến thức ngành*

- Nắm vững kiến thức về kinh tế học, kinh tế phát triển, kinh tế công cộng, kinh tế ngành; các nguyên lý tài chính tiền tệ, kế toán, thống kê; nguyên lý hình thành giá cả, kiến thức chung về pháp luật kinh tế.

- Biết vận dụng lý luận và mô hình kinh tế lượng để giải quyết một số vấn đề kinh tế cụ thể.

*3.2. Kiến thức chuyên ngành*

- Có kiến thức tổng hợp, toàn diện và khoa học về kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô, kinh tế các ngành, phân tích và dự báo nguồn lực tài chính trong toàn bộ nền kinh tế cũng như các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và các đơn vị sự nghiệp, nắm được các kiến thức cơ bản về chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, quản lý nhà nước về kinh tế - tài chính, kế toán và kiểm toán.

- Nắm vững các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính nói chung cũng như các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính tại khu vực Nhà nước, khu vực tài chính và khu vực phi tài chính.

- Có kiến thức cơ bản về kinh tế và pháp luật đặc biệt là kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế - tài chính để vận dụng giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính.

- Có kỹ năng tham mưu xây dựng và áp dụng chính sách, pháp luật kinh tế - tài chính phục vụ cho các cơ quan trong bộ máy nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác.

*3.3. Công việc đảm nhận được sau khi được trang bị kiến thức chuyên ngành*

- Phân tích, đánh giá chính sách, pháp luật trong lĩnh vực kinh tế - tài chính, có chuyên môn về pháp luật kinh tế - tài chính, đặc biệt phân tích về việc áp dụng các quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý tài chính của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

- Tham mưu vận dụng các quy định của pháp luật trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; tham mưu đánh giá cơ sở pháp lý và cơ sở kinh tế để lựa chọn phương án đầu tư công và đầu tư vào doanh nghiệp.

- Soạn thảo và thẩm định các hợp đồng kinh doanh thương mại.

- Vận dụng cơ chế quản lý kinh tế - tài chính để phân tích và đánh giá hoạt động của doanh nghiệp; tham mưu lựa chọn tổ chức bộ máy quản trị nội bộ của doanh nghiệp, tổ chức quy trình đánh giá và lựa chọn các chính sách kinh tế tài chính áp dụng cho doanh nghiệp.

**4. Yêu cầu về kỹ năng**

*4.1. Kỹ năng nghề nghiệp*

- Có khả năng nhận diện, đánh giá hệ thống pháp luật kinh tế - tài chính.

- Có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên môn để đánh giá và lựa chọn các quyết định đầu tư, giao kết hợp đồng, quản lý kinh tế, tài chính, xây dựng các văn bản hành chính cho các cơ quan, đơn vị.

- Có tư duy logic, có kỹ năng trình bày, phản biện các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế và pháp luật.

- Có kỹ năng tổ chức triển khai làm việc nhóm, có khả năng tham mưu xây dựng, hoạch định chính sách kinh tế - tài chính.

- Có kỹ năng đánh giá, phát hiện những hạn chế trong quản lý kinh tế - tài chính, trong pháp luật kinh tế - tài chính và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường quản lý kinh tế - tài chính.

- Có kỹ năng soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hành chính, soạn thảo hợp đồng kinh doanh thương mại.

*4.2. Kỹ năng sử dụng các công cụ*

- Về Ngoại ngữ: Có khả năng khai thác và sử dụng các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh, có khả năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh.

- Về Tin học: Sử dụng thành thạo tin học cơ bản và các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn.

**5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

*-* Sinh viên chuyên ngành Kinh tế - Luật có thể đảm nhiệm việc chuyên môn tại các Tổng công ty, các công ty và các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các ngân hàng và các tổ chức tín dụng…

*-* Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận công việc chuyên môn tại tổ chức pháp chế, bộ phận pháp chế của các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp như cán bộ pháp chế tại Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, tại các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính Phủ, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, các cơ quan hành chính nhà nước quản lý lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, các đơn vị sự nghiệp công lập từ Trung ương đến địa phương.

- Sinh viên tốt nghiệp có thể trở thành giảng viên tại các Học viện, các trường Đại học, Cao đẳng; nghiên cứu viên tại các cơ quan nghiên cứu khoa học, các Viện nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế tài chính.

**6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

**7. Triển vọng nghề nghiệp**

- Có triển vọng phát triển chuyên môn trở thành các nhà lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, đơn vị như trở thành Trưởng Ban/phòng pháp chế, kế hoạch; Tổng giám đốc, giám đốc điều hành; Trưởng ban kiểm soát, Thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các loại hình doanh nghiệp khác.

- Có khả năng phát triển chuyên môn trở thành các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, chuyên gia về kinh tế, tài chính, pháp lý.

- Có khả năng trở thành chuyên gia tư vấn về lĩnh vực kinh tế và pháp lý chuyên nghiệp cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các quỹ đầu tư.

***Sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành của Học viện Tài chính được cấp Bằng Cử nhân kinh tế, Bảng điểm, Hồ sơ sinh viên theo ngành/chuyên ngành mà sinh viên được đào tạo.***